

# BẢN ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH BÌNH PHƯỚC

## ビンフック省の行政地図





**Hội nghị xúc tiến đầu tư tỉnh Bình Phước**  
ビンフック省の投資推進会議

## BÌNH PHƯỚC ĐIỂM ĐẾN HẤP DẪN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

ビンフック省とは投資家にとって魅力的な目的地です。



**Bà Trần Tuệ Hiền**

*Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước*

チャン・トウエ・ヒエン

ビンフック省の人民委員会長・地方副長官

Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có vị trí địa lý thuận lợi, tài nguyên, khoáng sản phong phú, an ninh, chính trị ổn định, là cầu nối quan trọng của vùng với Campuchia, Lào, Thái Lan và khu vực Tây Nguyên của Việt Nam với trên 263 km đường biên giới, 01 cửa khẩu quốc tế và 02 cửa khẩu quốc gia, cách thành phố Hồ Chí Minh 110 km, cách sân bay Long Thành 143 km, cách cảng biển Tân Cảng Đồng Nai 166 km. Trong quy hoạch, tuyến đường sắt Xuyên Á đi qua tỉnh Bình Phước (Sài Gòn - Lộc Ninh) với 114 km, nối liền 28 quốc gia, được đánh giá là một trong những dự án giao thông chủ yếu của ASEAN nhằm thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ về kinh tế, văn hóa và du lịch của các nước trong khu vực. Ngoài tuyến đường sắt Xuyên Á còn có tuyến

ビンフック省は、南部の主要経済地域にあり、便利な地理的位置を持ち、資源と鉱物が豊富で、セキュリティと政治が安定で、カンボジア、ラオス、タイ、ベトナム中部高地地域との地域の重要な接続所であり、263キロメートル以上の境界線、一つの国際国境ゲート、二つの国家国境ゲートを持ち、ホーチミン市から110キロメートル、LONG THANH空港から143キロメートル、DONG NAI省のTAN CANG 海港から166キロメートル離れる。企画では、28か国を結ぶ114 キロメートルのビンフック省 (SAIGON・LOC NINH) を通るアジア横断鉄道は、この地域の国々の経済、文化、観光についての強力な開発を促進するためのASEANの主要な交通プロジェクトの1つと見



đường sắt nối Bình Phước và cảng biển ở khu vực Bà Rịa - Vũng Tàu, kết nối thêm tới Đắk Nông nhằm giải quyết nhu cầu vận chuyển khoáng sản và nông - lâm sản xuống các cảng biển ở Đông Nam Bộ phục vụ xuất khẩu.

Bình Phước có lợi thế về quỹ đất sạch, sẵn sàng cho phát triển công nghiệp tại 13 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với diện tích 4.686 ha, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với diện tích 28.364 ha và 33 cụm công nghiệp với diện tích 1.244 ha.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đồng thời được sự giúp đỡ của các Bộ, ban, ngành của trung ương, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân toàn tỉnh, Bình Phước đã và đang là điểm đến đầu tư hấp dẫn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Bình Phước đang tập trung huy động mọi nguồn lực để từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng với chất

lượng cao. Bình Phước đang được chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, đường biển để kết nối các vùng, miền, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, khoáng sản. Bình Phước đang được chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, đường biển để kết nối các vùng, miền, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, khoáng sản. Bình Phước đang được chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, đường biển để kết nối các vùng, miền, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, khoáng sản.

Bình Phước có lợi thế về quỹ đất sạch, sẵn sàng cho phát triển công nghiệp tại 13 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với diện tích 4.686 ha, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với diện tích 28.364 ha và 33 cụm công nghiệp với diện tích 1.244 ha. Bình Phước có lợi thế về quỹ đất sạch, sẵn sàng cho phát triển công nghiệp tại 13 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với diện tích 4.686 ha, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Hoa Lư với diện tích 28.364 ha và 33 cụm công nghiệp với diện tích 1.244 ha.

Trong thời gian qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, đồng thời được sự giúp đỡ của các Bộ, ban, ngành của trung ương, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Đảng bộ, chính quyền, quân và dân toàn tỉnh, Bình Phước đã và đang là điểm đến đầu tư hấp dẫn của các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Bình Phước đang được chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, đường biển để kết nối các vùng, miền, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, khoáng sản.

Bình Phước đang tập trung huy động mọi nguồn lực để từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng với chất lượng cao. Bình Phước đang được chú trọng đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không, đường biển để kết nối các vùng, miền, tạo thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản, lâm sản, khoáng sản.



lượng tốt nhất nhằm tạo sự kết nối, liên kết vùng miền trong thu hút đầu tư, liên kết phát triển công nghiệp phụ trợ. Tạo sự an tâm cho doanh nghiệp, nhà đầu tư khi đến đầu tư tại tỉnh.

Với một nhiệt huyết mới, một hướng đi mới trong thu hút đầu tư, Lãnh đạo và nhân dân tỉnh Bình Phước luôn lắng nghe và đồng hành cùng doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Thay mặt Lãnh đạo tỉnh và nhân dân Bình Phước, tôi xin trân trọng kính mời và hân hoan chào đón các doanh nghiệp, nhà đầu tư hãy đến Bình Phước an cư lạc nghiệp, các doanh nghiệp, nhà đầu tư đã đầu tư, hãy tiếp tục mở rộng quy mô đầu tư vào tỉnh Bình Phước trong thời gian tới.

Trân trọng

る際の接続性と地域のリンクを作成する為に最高品質でのインフラストラクチャを徐々に改善するように全資源の揮動に注力し、省に投資する際に、企業や投資家に安心をもたらします。

投資誘致の新しい熱意と新しい方向性により、ビンフック省のリーダーシップと人民は、常に企業や投資家に耳を傾け、同行します。

ビンフック省のリーダーシップと人民を代表して、私は、近い将来、未投資の企業や投資家が落ち着くためにビンフック省に来てくれる事、投資している企業や投資家がビンフック省への投資規模を続いて拡大する事を心から招待し、歓迎したいと思います。

よろしく。

**“Thành công của bạn cũng chính là thành công của chúng tôi”**

「あなたの成功は私たちの成功です」



## VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

地理的位置と自然条件



### VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Phía Bắc giáp tỉnh Đắk Nông, phía Nam giáp tỉnh Bình Dương, phía Đông giáp tỉnh Lâm Đồng và Đồng Nai, phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh và Vương quốc Campuchia. Có thể nói vị trí địa lý của Bình Phước rất thuận lợi cho việc giao thương, phát triển kinh tế giữa các tỉnh Tây Nguyên với các tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Nam và đặc biệt là với các nước Đông Nam Á thông qua nước láng giềng Campuchia.

### 地理的位置

北側はĐẮK NÔNG省、南側は BÌNH DƯƠNG省、東側はLAM DONG省とDONG NAI省、西側はTAY NINH省とカンボジア王国を接しています。ビンフオック省の地理的位置は中部高地省と南部の主要経済地域の省、特に近隣国のカンボジアを経由する東南アジア諸国との間の貿易と経済発展に非常に便利であると言える。

### 自然条件

**ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN**  
 Tỉnh Bình Phước nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới cận xích đạo gió mùa, có 02 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 05 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 04 năm sau; ít bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lũ, không có động đất là điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp và công nghiệp.

ビンフオック省は、モンスーン赤道直下の熱帯気候地域に位置し、5月から10月までの雨季と翌年の11月から4月までの乾季を含む明確な季節が二つあり、自然災害と洪水の影響が少ない事及び地震がない事は、農業および工業の生産発展にとって好ましい条件です。

## AN NINH, CHÍNH TRỊ - KINH TẾ, XÃ HỘI

セキュリティ、政治・経済、社会

### AN NINH, CHÍNH TRỊ

An ninh, chính trị của Việt Nam nói chung và Bình Phước nói riêng luôn ổn định so với các nước trong khu vực và thế giới, là điều kiện rất tốt cho các nhà đầu tư an tâm đầu tư, sản xuất và phát triển kinh tế.

### KINH TẾ, XÃ HỘI

Năm 2019, tốc độ phát triển của GRDP tăng 7,8%, thu nhập bình quân đầu người ước đạt 62,5 triệu đồng/người/năm. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, ngành nông - lâm nghiệp và thủy sản chiếm 24,33%; công nghiệp và xây dựng chiếm 37%; dịch vụ chiếm 34,37%. Thuế trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,3%.

### セキュリティ、政治

一般にベトナム、特にビンフック省のセキュリティと政治は、地域や世界の他の国と比べて常に安定 していて、投資家が安心的に生産と経済発展に投資するための非常に良い条件です。

### 経済、社会

2019年、GRDPの成長率は7.8%増加し、1人当たりの平均収入は6250万VND/人/年と推定されます。経済機構は正しい方向にシフトし、農業・林業と漁業が24.33%を占めて、工業および建設が37%を占めて、サービスが34.37%を占めています。製品税控除は4.3%を占めています。





## DÂN CƯ VÀ NGUỒN LAO ĐỘNG

Tỉnh Bình Phước có dân số gần 01 triệu người, trong đó có hơn 640.000 người trong độ tuổi lao động, (***cơ cấu dân số Bình Phước hiện nay đang trong giai đoạn cơ cấu dân số “vàng”***). Trên địa bàn tỉnh hiện có 28 cơ sở đào tạo nghề, 02 trường trung cấp nghề, 02 trường cao đẳng chuyên nghiệp, hàng năm đào tạo khoảng 7.000 lao động cho toàn tỉnh. Ngoài ra, lực lượng lao động của tỉnh còn được đào tạo ở các cơ sở ngoài tỉnh, nâng tổng số lao động qua đào tạo của tỉnh lên khoảng 120.000 người/năm.

## 人口と労働資源

ビンフオック省は、人口が約100万人で、そのうち64万人以上が労働年齢（ビンフオック省の人口機構は現在、「黄金」人口機構の期間です）です。現在、省には28の職業訓練機関、02の職業中等学校、02の専門短期大学があり、省全体で年間約7,000人の労働者を訓練しています。その他、省の労働力は省外の機関で訓練されており、省の訓練された労働者の総数は年間約12万人になります。





# CƠ SỞ HẠ TẦNG ĐỒNG BỘ

## 同期インフラストラクチャ



### GIAO THÔNG

Trên địa bàn tỉnh có 02 tuyến quốc lộ chính: Quốc lộ 13 nối thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và đi qua các huyện Chơn Thành, Lộc Ninh và TX. Bình Long, của tỉnh, đến cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư và nối với Quốc lộ 7 của nước bạn Campuchia và Quốc lộ 14 nối các tỉnh Tây Nguyên qua địa bàn tỉnh Bình Phước.

Kế hoạch đến năm 2020 - 2025 sẽ có tuyến đường sắt Xuyên Á đi qua cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư tỉnh Bình Phước nối với tuyến đường sắt đi thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Tây Nam Bộ, nối với các nước Campuchia, Lào, Myanma, Malaysia, Thái Lan là điều kiện thuận lợi cho lưu thông hàng hóa và người qua lại giữa các nước trong khu vực.

### 交通

ビンフック省には2つの主な国道があります。それは、国路NO. 13は、ホーチミン市とBINH DUONG省を接続し、ビンフック省のCHON THANH郡、LOC NINH郡、BINH LONG町、HOA LU国際国境ゲートを経由して、カンボジアの国道7号線に接続する及び国路NO. 14は、ビンフック省の地域を経由する中部高地省を接続する。

2020年から2025年までの計画にはビンフック省のHOA LU国際国境ゲートを通り、ホーチミン市と西南部省へ来る鉄道と接続し、カンボジア、ラオス、ミャンマー、マレーシア、タイ等の諸国と接続するアジア横断鉄道がある予定で、この地域の国々の間に物品と人々の流通にとって好ましい条件です。

## ĐIỆN

Bình Phước có nhiều nhà máy thủy điện lớn như: Thủy điện Thác Mơ, Cản Đơn, Srok Phu Miêng... với tổng công suất 288 MW. Các đường dây trung, hạ thế phủ khắp toàn tỉnh với hơn 5.000 km đường dây điện, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt.

## NƯỚC

Bình Phước có nhiều nhà máy nước lớn như nhà máy nước Đồng Xoài và các nhà máy khác như: Thác Mơ, Phước Bình, Bình Long, Lộc Ninh, Bù Đăng công suất từ 6.000 - 20.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm... đáp ứng đủ nhu cầu nước cho dân cư và các dự án công nghiệp trong các khu và cụm công nghiệp.

## 電気

ビンフオック省には、合計容量が288MWであるTHAC MO水力発電、CAN DON水力発電、SROK PHU MIENG水力発電等の多くの大きな水力発電所があります。中電圧線と低電圧線は5,000キロメートルを超える送電線で省全体をカバーし、生産と生活のニーズを十分に満たす事に確保する。

## 水

ビンフオック省には、6千～2万立方メートル/日の容量があるDONG XOAI給水工場とTHAC MO給水工場、PHUOC BINH給水工場、BINH LONG給水工場、LOC NINH給水工場、BU DANG給水工場等の他の給水工場の多くの大きな給水工場があり、工業地帯とクラスターでの人民と工業プロジェクトの水需要を十分に満たす。



## DỊCH VỤ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ

### 投資支援サービス



Mạng lưới bưu chính viễn thông đã phủ khắp các xã, phường đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc quốc tế, truyền dẫn thông tin kỹ thuật số. Sóng điện thoại di động phủ hầu hết trên địa bàn tỉnh. Mạng lưới cáp quang được truyền dẫn đến hầu hết các trạm viễn thông ở các xã, huyện trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống ngân hàng đã phát triển đều khắp trên các huyện, thị như: Agribank, BIDV, Vietinbank, Vietcombank...

郵便及び通信ネットワークは、すべてのコミュニオン及びワードをカバーし、国際通信およびデジタル情報伝送のニーズを良く満たす。携帯電話の波は省の地域をほとんどカバーする。光ケーブルネットワークは、省のコミュニオンおよび地区のほとんどの通信局に送信されます。

銀行システムは、Agribank、BIDV、Vietinbank、Vietcombankなどの地区や町で着実に発展しています。



Các dịch vụ bảo hiểm đã phát triển, bao gồm các công ty bảo hiểm như: Bảo Việt, Bảo Minh, Prudential...

Chi cục Hải quan đã có tại các cửa khẩu và một số khu công nghiệp. Sắp tới, sẽ có Chi cục Hải quan tại các khu công nghiệp còn lại trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu thông quan của các doanh nghiệp.

Dịch vụ tư vấn của các công ty tư vấn đã phát triển hầu hết trên địa bàn tỉnh.



Bao Viet、Bao Minh、Prudentialなどの保険会社を含む保険サービスが発展されました。

関税局は国境ゲートといくつかの工業団地に現れました。近い将来、省の残りの工業団地に税関局が設置され、企業の通関要求を満たします。

コンサルティング会社のコンサルティングサービスは、省の地域でほとんど発展しています。



# MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TỈNH BÌNH PHƯỚC

## ビンフック省の投資環境



Hiện nay, quỹ đất dành cho sản xuất công nghiệp đã sẵn sàng tại các vị trí thuận lợi về giao thông, với 13 khu công nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt có diện tích 4.686 ha và 01 khu kinh tế cửa khẩu Quốc tế Hoa Lư với diện tích 28.364 ha. Hệ thống cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp ngày càng hoàn thiện để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tăng trưởng cao trong nhiều ngành, lĩnh vực. Chất lượng nguồn nhân lực thông qua đào tạo được nâng cao. Đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được cải thiện tốt. Bình Phước

現在、政府の首相によって承認された4, 686ヘクタールの面積を持つ13の工業団地、28, 364ヘクタールの面積を持つ01のHOA LU国際国境ゲート経済圏である工業生産用の土地ファンドは、交通に便利な場所で利用できます。工業団地や工業クラスターのインフラストラクチャのシステムは国内外の投資資本を誘致する為にますます改善されています。経済機構は正しい方向にシフトしており、多くの業界と分野で高い成長を遂げています。トレーニングによる人材の質が向上されます。人民の物質的および精神的な生活が改善されます。ビンフック省には、若



có lực lượng lao động trẻ, năng động, sáng tạo, cần cù, đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư.

Nhằm thu hút và hỗ trợ tốt nhất cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước, Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước đã ban hành Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND về chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Nội dung chính của Nghị quyết như sau:

く、ダイナミックで、創造的で勤勉な労働力があり、企業や投資家の生産と経営のニーズを十分に満たしています。

国内外の投資家を最善に誘致及び支援する為に、ビンフック省の人民評議会は、ビンフック省の地域で投資優遇とインセンティブポリシーについて決議 No. 31/2017/NQ-HĐNDの修正及び補足する決議 No. 14/2018/NQ-HĐNDを発行しました。決議の主な内容は次のとおりです。







**1. Miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với Khu kinh tế cửa khẩu (theo Quyết định số 72/2013/QĐ-TTg ngày 26/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ)**

Nhà đầu tư trong Khu kinh tế nếu được nhà nước giao đất, được miễn, giảm tiền sử dụng đất như sau:

- Miễn tiền sử dụng đất đối với dự án đặc biệt ưu đãi đầu tư.
- Giảm 50% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với dự án thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư.
- Giảm 30% tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước đối với các dự án đầu tư không thuộc quy định tại Mục 1 và Mục 2 nêu trên.

**2. Ưu đãi cho dự án đầu tư mở rộng**

a) Doanh nghiệp có dự án đầu tư phát triển dự án đầu tư đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao công suất, đổi mới công nghệ sản

**1. 国境ゲート経済圏の土地使用金額の免除および削減**

(政府首相によって2013年11月26日に発行された決定No. 72/2013/QĐ-TTgに基づく)。

経済圏の投資家は、国家から土地を割り当てた場合、次のように土地使用料が免除又は減額されます。

- ・特別な投資優遇プロジェクトに対しての土地使用料を免除する。
- ・投資優遇の分野に属するプロジェクトに対しての国家予算に支払われる土地使用料の50%を削減する。
- ・上記の条1項と条2項で指定されていない投資プロジェクトに対しての国家予算に支払われる土地使用料の30%を削減する。

**2. 拡張投資プロジェクト用の優遇**

a) 生産規模の拡大、生産能力





đang hoạt động thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế theo quy định này mà không đáp ứng một trong ba tiêu chí trên thì ưu đãi thuế thực hiện theo dự án đang hoạt động cho thời gian còn lại (nếu có).

Trường hợp doanh nghiệp chọn hưởng ưu đãi thuế theo diện đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thu nhập từ hoạt động đầu tư mở rộng xác định theo tỷ lệ giữa nguyên giá tài sản cố định đầu tư mới đưa vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh trên tổng nguyên giá tài sản cố định của doanh nghiệp.

Thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm dự án đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sản xuất, kinh doanh có thu nhập; trường hợp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế, giảm thuế được tính từ năm thứ tư.

に達します。

- ・設計能力は、投資前の設計能力と比較して少なくとも20%増加します。

運営企業がこの規定の下で企業所得税の優遇を享受する分野又は地域で運営しているプロジェクトの工芸をアップグレードし、交換し、更新する事に投資しましたが、上記の3つの基準のいずれも満たさない場合には、税制上の優遇が残りの期間（もしあれば）に運営しているプロジェクトに適用されます。

企業が拡張投資の形で税制上の優遇措置を享受することを選択した場合、拡張投資からの追加収入は個別に会計処理されるものとします。個別に会計処理することができない場合、拡張投資活動からの収入は企業の固定資産の総原価に対する生産及び事業に使用される新規投資の固定資産の原価の比率に従って決定される。

免税および減免の期間は、拡張投資プロジェクトが完了し、所得のある生産及び経営に投入された年から計算されます。拡張投資プロジェクトからの収益がある最初の年から数えて最初の3年間に課税所得がない場合、免税と減税の時間は4年目から計算されます。

企業の合併と買収、又は運営



Ưu đãi này không áp dụng đối với các trường hợp đầu tư mở rộng do nhận sáp nhập, mua lại doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư đang hoạt động.

**3. Ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư**

3.1. Công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ

3.2. Nông nghiệp

3.3. Bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng

3.4. Văn hóa, xã hội, thể thao, y tế (Thực hiện theo Nghị Quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước)

**4. Ngành, nghề ưu đãi đầu tư**

4.1. Khoa học công nghệ, điện tử, cơ khí, sản xuất vật liệu, công nghệ thông tin

4.2. Nông nghiệp

4.3. Bảo vệ môi trường, xây dựng kết cấu hạ tầng

4.4. Giáo dục, văn hóa, xã hội, thể thao, y tế

4.5. Ngành, nghề khác

(Thực hiện theo Nghị Quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước)

4.6. Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư

a) Địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm các huyện: Lộc Ninh, Bù Đăng, Bù Đốp, Bù Gia Mập, Phú Riềng.

している投資プロジェクトによる拡張投資の場合には、この優遇は適用されません。

**3. 特別な投資優遇の職業**

3.1. ハイテク、情報工芸、裾野工業

3.2. 農業

3.3. 環境保護、インフラ結構の建設

3.4. 文化、社会、スポーツ、医療

(ビンフオック省の人民評議会の2018年12月14日付の決議 No. 14/2018/NQ-HĐNDに基づいて実施する)

**4. 投資優遇の職業**

4.1. 工芸科学、電子、機器、材料生産、情報工芸

4.2. 農業

4.3. 環境保護、インフラ結構の建設

4.4. 文化、社会、スポーツ、医療

4.5. その他の職業

(ビンフオック省の人民評議会の2018年12月14日付の決議 No. 14/2018/NQ-HĐNDに基づいて実施する)

4.6. 投資優遇地域のリスト

a) 非常に困難な経済・社会的条件のある地域には、LOC NINH 郡、BU DANG郡、BU DOP郡、BU GIA MAP郡、PHU RIENG郡などを含む。

b) 困難な経済・社会的条件のある地域には、PHUOC LONG

b) Địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn bao gồm các huyện - thị xã: Phước Long, Bình Long, Hớn Quản, Chơn Thành, Đồng Phú và các Khu công nghiệp được thành lập theo quy định của Chính phủ.

4.7. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư

Thực hiện theo Nghị Quyết số 14/2018/NQ-HĐND ngày 14/12/2018 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Bình Phước.

5. Cam kết rút ngắn thời gian, giải quyết thủ tục hành chính và áp dụng cơ chế một cửa liên thông, một đầu mối tiếp nhận và giải quyết hồ sơ, thủ tục tại Trung tâm Hành chính công. Đây là điểm mới nổi bật nhất. Điển hình như thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư trong và ngoài khu công nghiệp được rút ngắn, tối đa chỉ bằng 1/3 thời gian quy định của Trung ương...

Với phương châm **“Thành công của doanh nghiệp cũng là thành công của tỉnh”**, Bình Phước luôn chào đón tất cả doanh nghiệp, nhà đầu tư trong và ngoài nước đến đầu tư trên địa bàn tỉnh. Chính quyền tỉnh cam kết luôn sát cánh với nhà đầu tư trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh và tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất để các nhà đầu tư sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

町、BINH LONG町、HON QUAN郡、CHON THANH郡、DONG PHU郡及び政府の規定に基づく成立される工業団地等を含む。

4.7. 投資に関する行政手続きを解決する手順

ビンフック省の人民評議会の2018年12月14日付の決議 No. 14/2018/NQ-HĐNDに基づいて実施する。

5. 時間を短縮し、行政手続きを解決し、ワンストップシヨップメカニズム、行政センターで書類および手順を受け取り、解決するための1つの焦点を適用するコミットメント。これは最も顕著な新しいポイントです。通常、工業団地内外の投資に関する行政手続きの解決時間は短縮され、最大で中央政府が規定する時間のわずか1/3です。

「企業の成功は省の成功でもある」という方針で、ビンフック省はすべての国内外の企業と投資家が省の地域に投資することを常に歓迎しています。省の政権は、生産および事業活動の過程で投資家と並んで立ち、投資家が生産時および事業時に最高の効率を達成するために最も有利な条件を作り出すことを約束します。

## TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ

投資誘致状況



### TÌNH HÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ

Thu hút đầu tư qua các năm có nhiều chuyển biến tích cực. Trong năm 2019 đã có thêm 1.100 doanh nghiệp thành lập mới, nâng tổng số doanh nghiệp trong tỉnh lên gần 7.700 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký gần 73.000 tỷ đồng. Kinh tế hợp tác có 45 hợp tác xã thành lập mới.

Thu hút đầu tư FDI: tại thời điểm cuối năm 2019, trên địa bàn tỉnh có 230 dự án FDI còn hiệu lực với tổng số vốn đăng ký 2.315 triệu USD. Các nhà đầu tư vào Bình Phước thuộc nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ: Hàn Quốc, Đài Loan, Australia, Mỹ, Nhật Bản, Singapore, Braxin... Hiện các dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, giải quyết việc làm cho hơn 51.823 lao động trong và ngoài tỉnh.

### 投資誘致状況

各年にわたる投資の誘致は多くの積極的な変換がある。2019年には、1,100の新しく設立された企業があり、省内の企業の総数は約7,700の企業になり、総登録資本は約73兆ドンになりました。協同経済には45の新しく設立された協同組合があります。

FDI投資の誘致：2019年末には、省の地域で230の有効なFDIプロジェクトがあり、総登録資本金は23億1500万米ドルでした。ビンフック省に投資している各投資家は、韓国、台湾、オーストラリア、アメリカ、日本、シンガポール、ブラジル





Ngoài ra các trang trại chăn nuôi đại gia súc, gia cầm quy mô công nghiệp đang được đầu tư phát triển. Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đang được hình thành và phát triển mạnh mẽ như: Cụm công nghiệp Hà My, Cụm công nghiệp Mỹ Lệ... Đây là điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước mà thời gian qua tỉnh Bình Phước đã và đang thực hiện.



など、多国と各領土から来ました。現在、運営しているプロジェクトは安定的に生産及び事業していて、省内外の51,823人以上の労働者の雇用を創出しています。その他、工業規模で家畜及び家禽の牧場は発展投資される。Ha My工業クラスター、My Le工業クラスターなどのビンフック省の地域で工業クラスターは強力に形成および発展されています。これは、ビンフック省が最近実施している国内外の投資家を誘致するための好ましい条件です。



### CÁC DỰ ÁN TIÊU BIỂU

#### Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc

Là một trong những khu công nghiệp có vốn đầu tư của Hàn Quốc thành công và phát triển rất tốt ở tỉnh Bình Phước, với tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp lên đến 12,829 triệu USD, trong đó vốn góp thực hiện dự án là 12,829 triệu USD, phần lớn là các nhà đầu tư Hàn Quốc đã và đang hoạt động. Hiện nay, Khu công nghiệp Minh Hưng - Hàn Quốc đã nhanh chóng trở thành một khu công nghiệp kiểu mẫu tại Bình Phước cũng như các tỉnh phía Nam, với hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và hiện đại, một điểm đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư.

### Typical Project

#### MINH HUNG・韓国の工業団地

ビンフック省で成功及び発展した投資資本金がある韓国の工業団地の一つで、工業団地のインフラの総投資額は128億2900万米ドルで、そのうち、プロジェクトを実施するために拠出された資本は128億2900万米ドルであり、そのほとんどは運営している韓国の投資家である。現在、MINH HUNG・韓国の工業団地は、現代と同期の技術インフラシステムで、投資家にとって魅力的な投資先として、ビンフック省および南部の各省のモデル工業団地に直になりました。

## Dự án sản xuất gỗ của công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwha

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha được thành lập năm 2008 bằng vốn liên doanh giữa Công ty Dongwha International - một trong những công ty gỗ hàng đầu của Hàn Quốc và tập đoàn cao su Việt Nam (VRG). Xưởng chế biến gỗ MDF của Công ty hiện đặt tại xã Minh Hưng, huyện Chợ Thành, tỉnh Bình Phước gần ngay trung tâm kinh tế lớn nhất của Việt Nam là TP. Hồ Chí Minh. Vật liệu chính là gỗ cao su, gỗ keo, điều và gỗ thông lấy từ các tỉnh Bình Phước, Tây Ninh và Đắk Nông. Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha thực hiện hoạt động xuất khẩu đồng thời tiêu thụ ở thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng. Công ty đã và đang giới thiệu sản phẩm gỗ với dây chuyền sản xuất hiện đại và công nghiệp hóa của Việt Nam đến thị trường các nước.

Công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha đã đầu tư 160 triệu USD vào dự án xơ ép (fiberboard) từ 13/7/2010. Đây là dự án MDF/HDF lớn và hiện đại nhất ở Châu Á, được trang bị kỹ thuật và máy móc đầy đủ từ Đức, Thụy Điển và Phần Lan.

Với sự quản lý và cố vấn từ tập đoàn Dongwha MDF đã và đang đáp ứng những sản phẩm chất lượng cao nhất và dịch vụ tốt nhất.

## MDF VRG Dongwha木材合資会社の木材生産プロジェクト

MDF VRG Dongwha木材合資会社は、韓国の大手木造企業の1つであるDongwha International Companyとベトナムゴムグループ（VRG）の合弁資本金で2008年に設立されました。現在、同社のMDF木材加工工場は、ビンフック省、CHON THANH郡、MINH HUNG社にあり、ホーチミン市であるベトナムの最大の経済中心地の近くにあります。主な材料はビンフック省、TAY NINH省、ĐAK NONG省から集められるラバーウッド、アカシア、カシューナッツ、松木です。MDF VRG Dongwha木材合資会社は、国内市場で輸出及び消費に関する活動を実施し、ますます増加する需要を満たす。同社は、外国市場に近代的な生産ラインを備えた木材製品とベトナムの工業化を紹介しています。

MDF VRG Dongwha木材合資会社は、2010年7月13日からファイバーボードのプロジェクトに1億6,000万米ドルを投資しています。これは、アジアで最大かつ最新のMDF/HDFプロジェクトであり、ドイツ、スウェーデン、フィンランドの技術と機械を完備されています。

MDF Dongwhaグループの管理とアドバイスにより、最高品質の製品と最良のサービスに対応している。





### **Công ty TNHH Freewell và công ty TNHH Long Fa VN**

Công ty TNHH Freewell nằm trong Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú và công ty TNHH Long Fa VN nằm trong Khu công nghiệp Minh Hưng III, thuộc tập đoàn Shoe's World. Hai dự án lớn này nằm tọa lạc tại 02 Khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh với tổng số vốn đầu tư là 275 triệu USD, thu hút khoảng 14.500 lao động trong và ngoài tỉnh. Đây là dự án lớn thứ hai trong các Khu công nghiệp, sau công ty Cổ phần gỗ MDF VRG Dongwha.

### **FREEWELL株式会社 及び LONG FA VN株式会社**

BAC DONG PHU工業団地にあるFREEWELL株式会社及びMINH HUNG III工業団地にあるLONG FA VN株式会社はShoe's World グループに属する。これらの2つの大きなプロジェクトは、省内の02の工業地帯にあり、総投資額は2億7,500万米ドルで、省内外で約14,500人の労働者を集めています。これは、MDF VRG Dongwha 木材合資会社に次ぐ、工業団地で2番目に大きなプロジェクトです。

### Công ty TNHH Jakjin Sài Gòn

Công ty TNHH Jakjin Sài Gòn hoạt động trong ngành công nghiệp may mặc. Công ty đặt trụ sở tại Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú thuộc tỉnh Bình Phước, cách TP. Hồ Chí Minh khoảng 100 km với tổng số vốn đầu tư là 14,81 triệu USD. Là một trong nhiều công ty con của tập đoàn thương mại Yakjin – Hàn Quốc, một thương hiệu rất có uy tín trong việc cung ứng các sản phẩm dệt kim chất lượng cao trên thị trường thế giới.

### YAKJIN SAI GON株式会社

YAKJIN SAI GON株式会社は衣料産業で運営している。同社は、ビンフック省のBAC DONG PHU工業団地内に本社があり、ホーチミン市から約100キロメートル離れ、総投資額が1481万米ドルです。韓国のYAKJIN商売グループの多くの子会社の1つであり、世界市場で高品質のニット製品を提供する非常に信頼なブランドです。



## **Trang trại nuôi gà công nghiệp Hùng Nhơn**

Công ty Cổ phần Hùng Nhơn thuộc xã Thuận Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, là một trong những doanh nghiệp tiên phong đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, giết mổ, chế biến và tiêu thụ sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh. Công ty có trại chăn nuôi heo giống hiện đại, hàng năm cung cấp cho thị trường hơn 6.000 con heo giống sạch bệnh, chất lượng cao; một nhà máy chế biến thức ăn gia súc và một trại gà lạnh Thùy Thảo theo quy trình khép kín, cách ly với môi trường xung quanh. Tất cả dây chuyền, máy móc được nhập khẩu từ Đức, được đánh giá có quy mô lớn nhất Việt Nam và ngang tầm với các nước trong khu vực Đông Nam Á. Hàng năm, công ty cung cấp cho thị trường hàng triệu con gà thịt, toàn bộ sản phẩm của công ty được Công ty Cổ phần Việt Nam thu mua để chế biến và đóng gói, phân phối ở các siêu thị, cửa hàng trong và ngoài nước.

## **HUNG NHON工業用鶏の牧場**

HUNG NHON合資会社は、ビンフック省DONG PHU郡 THUAN PHU社にあり、省の地域で動物製品の畜産、屠殺、加工、消費に投資している先駆的な企業の1つです。同社には、毎年6,000頭以上の清潔で高品質の豚を市場に供給している現代の養豚場があり、周囲の環境から隔離されたクロズドプロセスに従う家畜飼料加工工場とTHUY THAO冷鶏農場があります。ドイツから輸入されたすべての生産ラインと機械は、ベトナムの最大規模で、東南アジアの他の国と同等と見なされる。毎年、同社は何百万羽もの鶏肉を市場に提供しており、同社の全製品は、国内外のスーパー、店舗で加工し、包装し、配布するためにベトナム合資会社によって購入されています。







## Siêu thị CO.OP MART Đồng Xoài

Siêu thị Co.opMart Đồng Xoài (Một trong 40 hệ thống Co.opMart tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam Trung Bộ) thuộc Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Saigon Co.op, là nơi giao lưu, mua sắm của người dân Đồng Xoài nói riêng và toàn thể nhân dân tỉnh Bình Phước nói chung. Siêu thị khai trương ngày 19/5/2009 với diện tích 6.400 m<sup>2</sup>, nằm giữa trung tâm thành phố Đồng Xoài, mặt chính hướng ra đường Phú Riềng Đỏ, bên trái là chợ Đồng Xoài. Tuy mới thành lập và đi vào hoạt động nhưng đến nay, Co.opMart được người dân tỉnh

## CO.OP MART DONG XOAI スーパー

ホーチミン市貿易協同組合と Saigon Co.op 開発投資合資会社の連合に属する CO.OP MART DONG XOAI スーパー（ホーチミン市および南中部の各省で40の Co.op Mart システムの1つ）は、特に DONG XOAI の人民と一般的にビンフック省の人民の交流と買い物の場所です。スーパーは、2009年5月19日にオープンし、6,400平方メートルの面積があり、DONG XOAI 市の中心にあり、メインサイドが PHU RIENG DO 通りに面しており、左側が DONG XOAI 市場です。CO.OP MART DONG XOAI スーパーは、設立され運用されたばかりですが、ビンフック省の人民が買い物を

Bình Phước xem đây là địa chỉ đáng tin cậy để mua sắm. Co.opMart Đồng Xoài với phong cách phục vụ chuyên nghiệp của đội ngũ nhân viên cùng với chất lượng các mặt hàng và các chương trình bình ổn giá, là địa chỉ mua sắm đáng tin cậy, là bạn của mọi người, mọi nhà.

するための信頼できる住所と見なされています。CO.OP MART DONG XOAIスーパーは、スタッフのプロフェッショナルなサービススタイルで、製品アイテムの品質と価格安定化プログラムとともに、信頼できるショッピング住所で、全人と全家の友人です。



### Khu du lịch cáp treo Bà Rá

Núi Bà Rá nằm ở phường Thác Mơ, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước cách thành phố Hồ Chí Minh 170 km, cách thành phố Đồng Xoài 50 km. Núi Bà Rá được Bộ Văn hóa – Thông tin công nhận là di tích lịch sử cấp quốc gia ngày 20/4/1995. Núi có độ cao 723 m so với mực nước biển nên có khí hậu ôn hòa, chiếm tổng diện tích 1.054 ha.

### BA RA空中ケーブルカー観光地

BA RA山は、ビンフオック省 PHUOC LONG町THAC MO村にあり、ホーチミン市から170 キロメートル、DONG XOAI市から50 キロメートル離れる。BA RA山は、文化情報省によって1995年4月20日に国の歴史的記念碑として認められました。山は、高さが海面と比べて723メートルであるので穏やかな気候で、総面積1,054ヘク



Cát treo Bà Rá là công trình du lịch được xây dựng bởi nhà đầu tư là công ty TNHH MTV Xây dựng Bình Phước, được khánh thành ngày 23/3/2010.

Với cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, khí hậu ôn hòa, động thực vật phong phú đã tạo cho nơi đây nét độc đáo riêng so với các tỉnh trong khu vực. Bà Rá còn là khu rừng đặc dụng được bảo vệ nghiêm ngặt với đầy đủ các loại gỗ quý như: cẩm lai, gỗ đỏ, gõ mật, sao... cùng nhiều động thực vật quý hiếm khác. Khu du lịch cáp treo Bà Rá hàng năm thu hút hàng trăm nghìn lượt khách tham quan.

タールを占める。BA RA空中ケーブルカーは、ビンフック建設MTV株式会社である投資家によって建設され、2010年3月23日に発足された観光工事です。

雄大な自然の景観、温暖な気候、豊富な動植物により、この場所は地域の他の省と比べて独特な場所になっています。BA RAとは、ローズウッド、レッドウッド、ハニーウッド、スターウッドなどのあらゆる種類の貴重な木材や、他の多くの希少な動植物で厳重に保護されている特殊用途の森林です。BA RA空中ケーブルカー観光地は、毎年 何十万人もの観光客を魅了しています。



### Khu du lịch sinh thái Mỹ Lệ

Khu du lịch sinh thái Mỹ Lệ thuộc xã Long Hưng, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước. Tổng thể khu du lịch có diện tích 70 ha, là Khu Lâm viên sinh thái đầu tiên tại tỉnh Bình Phước, được xây dựng theo một phong cách kiến trúc đẹp, kết hợp hài hòa giữa đất, trời và cỏ cây xanh tươi của vùng đất Phước Long. Với hệ thống giao thông thuận lợi, khu du lịch sinh thái Mỹ Lệ đã tạo thành một quần thể kiến trúc và thiên nhiên hùng vĩ, thu hút đông đảo khách du lịch trong và ngoài nước đến tham quan nghỉ dưỡng. Với đầy đủ cơ sở hạ tầng, nhà hàng, khách sạn, các khu vui chơi giải trí và khu resort nghỉ dưỡng mang những nét đặc trưng riêng hiếm có của Mỹ Lệ - Bình Phước.

### MY LE生態学的観光地

MY LE生態学的観光地は、ビンフック省BU GIA MAP郡LONG HUNG社にあります。全体として、MY LE生態学的観光地は、面積が70ヘクタールで、ビンフック省で最初の生態公園であり、PHUOC LONG土地の美しい建築様式で建てられ、土地、空、新鮮な緑の草の調和のとれた組み合わせる所です。MY LE生態学的観光地は、便利な交通システムにより、建築複合体と雄大な自然を作り出し、リゾートを訪れる国内外の多くの観光客を魅了していて、インフラストラクチャ、レストラン、ホテル、エンターテイメントエリア、およびMY LE・ビンフックの珍しい特徴を備えるリゾート等の物が十分にあります。



## KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, CỤM CÔNG NGHIỆP

経済圏、工業団地、工業クラスター

### THUẬN LỢI CHUNG KHI ĐẦU TƯ

Tỉnh Bình Phước luôn tạo môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút đầu tư, ngoài những lợi thế sẵn có của tỉnh như: Vị trí địa lý thuận lợi (nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, có 260,4 km đường biên giới với Campuchia, là cầu nối của vùng Tây Nguyên với vùng Đông Bắc Campuchia...), nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú... Nhà đầu tư đến đầu tư tại tỉnh Bình Phước còn có những lợi thế cơ bản sau:

- Chính sách đầu tư thông thoáng như: Chính sách ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, giá thuê đất, giải phóng mặt bằng...

- Thủ tục hành chính đơn giản, cơ chế một cửa tạo điều kiện thuận tiện cho nhà đầu tư.

- Cơ sở vật chất hạ tầng kỹ thuật khá hoàn thiện có thể đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

- Nguồn lao động dồi dào (trên 640.000 lao động) có khả năng đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư.

- Các dịch vụ bưu chính, viễn

### 投資する際の一般的な利点

ビンフック省は常に投資を誘致するために有利な投資環境を作成し、恵まれた地理的位置（南部の主要経済地域に位置し、カンボジアとの国境線は260.4キロメートルあり、中部高地地域とカンボジア東北部の接続所である）、豊富な天然資源等の省の利用可能な利点に加えて、ビンフック省に投資する投資家は、次の基本的な利点もあります。

- ・法人所得税、土地賃料、地上高の解放に関する優遇方針などのオープン投資方針

- ・シンプルな行政手順、ワンストップメカニズムにより、投資家にとって有利な条件が作成されます。

- ・技術インフラストラクチャは、非常に完全であり、投資家のニーズを満たすことができます。

- ・豊富な労働資源（640,000人を超える従業員）が投資家のニーズを満たすことができます。

thông, ngân hàng, hải quan... sẵn sàng phục vụ nhà đầu tư.

- Công tác quy hoạch khu công nghiệp nhanh chóng và thuận lợi không mất nhiều thời gian trong việc giải tỏa đền bù, nhà đầu tư có thể xác nhận chính xác vị trí thực hiện dự án ngay khi có ý định đầu tư tại tỉnh, vấn đề này cũng là một trong những yếu tố thuận lợi cho các nhà đầu tư khi đầu tư vào các khu công nghiệp tập trung.

- Giảm chi phí xây dựng nền móng các công trình hạ tầng và các công trình xây dựng nhà xưởng vì khu đất có những đặc tính địa chất khá tốt và tương đối bằng phẳng.

- Mặt bằng tự nhiên có độ dốc thoát nước mưa tốt.

- Giá cho thuê hạ tầng rẻ hơn so với các khu vực lân cận.

- Chi phí nhân công thấp hơn so với mặt bằng chung trong khu vực.

- Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch tỉnh Bình Phước và các Sở, Ban Ngành luôn sẵn sàng giới thiệu, hướng dẫn, trợ giúp nhà đầu tư hoàn thành các thủ tục đầu tư trong thời gian ngắn nhất như giấy chứng nhận đầu tư, thành lập doanh nghiệp, giấy phép xây dựng ...

・郵便、通信、銀行、税関等に関するサービスは、投資家にサービスを提供する準備ができています。

・工業団地の企画は迅速かつ便利で、地上高の解放と補償に多くの時間はかからないし、投資家は省に投資する予定があるとすぐに、プロジェクトの実施位置を正確に確認でき、この問題は、集中工業団地に投資する際の投資家にとっても有利な要素の1つです。

・土地は良好な地質学的特徴を持ち、比較的平坦であるため、インフラストラクチャー工事や工場建設工事の基礎建設コストを削減します。

・自然地面は、雨水排水傾斜が良いです。

・インフラ賃貸価格は、近隣地域よりも安いです。

・人件費は、地域の共通地面よりも低いです。

・ビンフック省の投資、商売および観光の促進センターと各局、委員会、各局は、投資証明書、企業設立証明書、建設許可証などの投資手続きを最短時間で完了する為に、常に投資家に紹介、案内、支援する準備ができています。





## CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

### • KHU CÔNG NGHIỆP BẮC ĐỒNG PHÚ

#### Quy mô

Tổng diện tích đất quy hoạch là: 189 ha, diện tích đất thương phẩm cho thuê là 136 ha. Đã lấp đầy 100%.

Dự kiến mở rộng: 317 ha

- **Giá thuê đất: từ 65 USD/m<sup>2</sup>**

#### Vị trí

- Khu công nghiệp Bắc Đồng Phú nằm tại thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

### 省の地域での工業団地

#### • BAC DONG PHU工業団地 規模

総企画土地面積は189ヘクタールで、賃貸用商品地面積は136ヘクタールで、100%密閉に建設されている。

拡張予想：317ヘクタール

• **土地賃貸価格: 65 ドルから/平方メートル**

#### 位置

• BAC DONG PHU工業団地は、ビンフック省のDONG PHU郡のTAN PHU町にあります。

+ **Khu 1:** Phía Đông giáp đường ĐT741, phía Tây giáp với đất cao su và đất dân, phía Nam giáp với đường đất đỏ và đất của dân, phía Bắc giáp với đất giao Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Phước.

+ **Khu 2:** Phía Đông, phía Tây và phía Bắc giáp với đất của dân, phía Nam giáp với đường đất.

- Cách thành phố Hồ Chí Minh 100 km về phía Nam, là cửa ngõ của Bình Phước đi về các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh; cách thành phố Đồng Xoài khoảng 10 km.

#### **Ngành nghề thu hút đầu tư**

- Cơ khí chế tạo máy: Tập trung ưu tiên các ngành sản xuất, lắp ráp các chương trình vận chuyển, chế tạo máy móc phục vụ các ngành nông nghiệp, công nghiệp...

+ **ゾーン1:** 東側はDT741道路に接し、西側はゴム土地と人民の土地に接し、南側は赤土の道路と人民の土地に接し、北側はHOAN MY BINH PHUOC病院に割り当てられた土地に接します。

+ **ゾーン2:** 東側、西側及び北側は人民の土地に接し、南側は土地の道路に接します。

・ ホーチミン市の南側から100キロメートル離れて、ビンフック省からBINH DUONG省、DONG NAI省、ホーチミン市への入口で、DONG XOAI市から約10キロメートル離れています。

#### **投資誘致の職業**

・ 機械製造機器：農業及び工業向けの運送、機械製造プログ



- Điện, điện tử, công nghệ thông tin: Tập trung ưu tiên sản xuất linh kiện phụ tùng, các sản phẩm điện, điện tử công nghiệp, điện tử viễn thông, thiết bị thông tin.

- Hóa dược: Tập trung ưu tiên sản xuất dược liệu, dược phẩm, dụng cụ y tế, mỹ phẩm, hương liệu, cao su kỹ thuật cao.

- Dệt may: Các sản phẩm dệt, may mặc, thêu đan, sản xuất giày dép và phụ kiện ngành dệt may.

- Vật liệu xây dựng: Sản xuất kính, gốm sứ, gạch đá, các vật liệu xây dựng khác..

- Công nghiệp chế biến gỗ, giấy và trang trí nội thất.

- Các kho bãi cho thuê chứa hàng hóa.

- Thực phẩm nông nghiệp: Sản xuất, chế biến các sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, thực phẩm đồ uống...

- Công nghiệp tiêu dùng phục vụ đời sống: Dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi trẻ em, nữ trang, hàng thủ công mỹ nghệ, các vật dụng văn phòng phẩm.

- Các dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, kê khai hải quan, thuế, cung cấp suất ăn công nghiệp.

ラムの生産と組み立てに注力しています。

・電気、電子、情報工芸：コンポーネント、スペアパーツ、電気製品、工業用電子機器、通信電子機器、および情報機器の生産に注力しています。

・医薬品化学：医薬品原料、医薬品、医療機器、化粧品、香料、ハイテクゴムの製造に注力しています。

・繊維：繊維製品、衣服製品、刺繍製品、履物の生産および繊維産業のアクセサリー

・建設材料：ガラス、セラミック、石レンガ、その他の建設材料を製造する。

・木材、紙の加工工業及び家具装飾

・商品を保管する賃貸倉庫

・農産食品：農産物、水産物、食品および飲料の生産と加工する。

・生活に役立つ消費工業：スポーツ器具、子供のおもちゃ、ジュエリー、手工芸品、文房具

・銀行、郵便および通信、税関申告、税務に関するサービス、工業用ケータリングを提供する。



• **KHU CÔNG NGHIỆP NAM ĐỒNG PHÚ**

**Qui mô**

- Tổng diện tích định hướng quy hoạch 69 ha. Dự kiến mở rộng 480 ha.

- **Giá thuê đất: 65 USD/m<sup>2</sup>**

**Vị trí**

- Khu công nghiệp Nam Đồng Phú nằm tại xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Nằm trên tỉnh lộ ĐT741, cách thành phố Hồ Chí Minh 80 km về phía Nam, là cửa ngõ của Bình Phước đi về các tỉnh Bình Dương, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh và cách thành phố Đồng Xoài khoảng 21 km.

**Ngành nghề thu hút đầu tư**

- Công nghiệp sơ chế, chế biến nông lâm sản; sản xuất vật liệu xây dựng; chế tạo cơ khí vừa và nhỏ; công nghiệp may mặc hàng thủ công mỹ nghệ.

• **NAM DONG PHU工業団地**

**規模**

・企画定向の総面積は、69ヘクタールです。拡張予想は、480ヘクタールです。

・土地賃賃価格:65 ドル/ 平方メートル

**位置**

・NAM DONG PHU工業団地はビンフオック省のDONG PHU郡のTAN LAP社にあります。省道DT741に位置し、ホーチミン市の南側から80キロメートル離れて、ビンフオック省からBINH DUONG省、DONG NAI省、ホーチミン市への入口で、DONG XOAI市から約21キロメートル離れています。

**投資誘致の職業**

・農林産物を加工前処理および加工する工業、建設材料の生産、中小機械の製造、衣料と手工芸品の工業



**Địa chỉ liên hệ**

- Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng:  
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp  
Bắc Đồng Phú

- Địa chỉ: Ấp Bàu Ké, thị trấn Tân  
Phú, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình  
Phước

- Điện thoại:

(+84) 271. 3833833 - 3834666

- Fax: (+84) 271. 3833838

- Email: bacdongphu@bdp.vn

- Website: www.bacdongphu.vn

**連絡先**

・インフラ投資主：BAC DONG  
PHU工業団地合資会社

・住所：ビンフック  
省、DONG PHU郡、TAN PHU町、BAU  
KE村

・電話番号：

(+84) 271. 3833833 - 3834666

・ファックス：(+84) 271. 3833838

・Eメール：bacdongphu@bdp.vn

・ウェブサイト：

www.bacdongphu.vn

● **KHU CÔNG NGHIỆP  
CHƠN THÀNH II**

**Quy mô**

- Tổng diện tích quy hoạch: 76 ha.

**Vị trí**

- Khu công nghiệp nằm tại xã  
Thành Tâm, huyện Chơn Thành,  
tỉnh Bình Phước. Khu công nghiệp  
nằm gần Quốc lộ 13, cách thành  
phố Hồ Chí Minh 80 km về phía  
Nam và cách thành phố Đồng Xoài  
khoảng 41 km.

● **CHON THANH II 工業団地  
規模**

・総企画面積は、76ヘクター  
です。

**位置**

・工業団地はビンフック省  
のCHON THANH郡のTHANH TAM社  
にある。工業団地は国路No. 13  
の近くにあり、ホーチミン市の  
南側から80キロメートル離れ  
て、DONG XOAI市から約41キロメ  
ートル離れる。

### Ngành nghề ưu tiên thu hút đầu tư:

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản.
- Công nghiệp vật liệu xây dựng cao cấp.
- Công nghiệp dệt, may mặc, giày da.
- Gia công cơ khí.
- Chế biến hàng tiêu dùng...

### Địa chỉ liên hệ

Trung tâm Khai thác Hạ tầng Khu công nghiệp  
Khu công nghiệp Đồng Xoài I, xã Tân Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước  
Điện thoại: (+84) 271. 3888086

### • KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II

#### Quy mô

- Tổng diện tích định hướng quy hoạch: 84,7 ha.
- Đất công nghiệp cho thuê: 55 ha
- **Giá thuê đất: 30-60 USD/m<sup>2</sup>**

#### Vị trí

- Khu công nghiệp Đồng Xoài II nằm tại phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Phía Đông giáp đất y tế và đất trồng cao su, phía Tây và phía Nam giáp với đất trồng cao su, phía Bắc giáp với đất dân cư và Quốc lộ 14.  
- Cách thành phố Hồ Chí Minh 105 km và cách thành phố Đồng Xoài khoảng 05 km.

### 投資誘致の優先職業

- ・農林産物加工の工業
- ・高級建設材料の工業
- ・繊維、衣服、皮革の工業
- ・機器加工
- ・消費品等の加工

### 連絡先

工業団地インフラ開拓センター  
ビンフオック省、DONG XOAI 市、TAN THANH社にあるDONG XOAI I 工業団地  
電話番号：(+84) 271. 3888086

### • DONG XOAI II 工業団地 規模

- ・企画定向の総面積は、84.7ヘクタールです。
- ・賃貸用の工業土地は、55ヘクタールです。
- ・土地賃貸価格: 30ドル ~ 60ドル/ 平方メートル

#### 位置

・DONG XOAI II工業団地はビンフオック省のDONG XOAI市のTIEN THANH村にある。東側は医療用の土地とゴム製の土地に接し、西側と南側はゴム製の土地に接し、北側は住宅用の土地と国路No. 14に接する。  
・ホーチミン市から105キロメートル離れて、DONG XOAI市から約05キロメートル離れる。



## Ngành nghề thu hút đầu tư

- Công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng:
  - + Sản xuất chế biến thực phẩm.
  - + Sản xuất trang phục.
  - + Chế biến gỗ và sản xuất từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm rạ và vật liệu tết bện.
- Công nghiệp chế biến, chế tạo:
  - + Sản xuất các sản phẩm từ giấy.
  - + Sản xuất các sản phẩm từ cao su và plastic.
  - + Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác.
  - + Sản xuất kim loại.
  - + Sản xuất máy móc.
  - + Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
  - + Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học.
  - + Sản xuất thiết bị điện.
  - + Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc và thiết bị.
  - + Sản xuất từ kim loại đúc sẵn.
  - + Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải.

## 投資誘致の職業

- ・消費品の生産工業
- + 食品の生産及び加工
- + 衣装の生産
- + 木材を加工し、及び木材、竹、コルク（ベッド、ワードローブ、テーブル、椅子を除く）から生産し、わらおよび組物材料からの製品を生産する。
  - ・加工及び製造の工業：
    - + 紙からの製品を生産する。
    - + ゴムとプラスチックからの製品を生産する。
    - + 他の非金属鉱物からの製品の生産。
      - + 金属の生産。
      - + 機械の生産。
      - + ベッド、ワードローブ、テーブル、椅子の生産。
      - + 電子製品、コンピュータ
    - + 光学製品の生産。
    - + 電気機器の製造。
    - + 機械および装置の修理、保守、設置。
    - + プレハブ金属からの生産。
    - + 倉庫および輸送支援のための活動。
  - ・環境に強い汚染を引き起こさない他の製品は



- Các sản phẩm khác không gây ô nhiễm mạnh đến môi trường.
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản.
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.
- Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (nhưng không có công đoạn nhuộm).
- Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm.
- In ấn và dịch vụ liên quan đến in.
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao.
- Sản xuất, gia công, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử, thiết bị quang học.
- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm cơ khí.
- Sản xuất sản phẩm từ giấy.
- Sản xuất sản phẩm từ cao su đã qua công đoạn sơ chế (không tái chế).
- Sản xuất giày dép (không thuộc da).
- Chế biến gỗ và sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm).

#### **Địa chỉ liên hệ**

- Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng: Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến
- Địa chỉ: 198 A5 - A6 Hoàng Văn Thụ, phường 9, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (+84) 28. 38214996
- Fax: (+84) 28. 38447623
- Email: quangminhtienjsc@yahoo.com.vn; thanhphuoctcm@yahoo.com.vn

- ・家畜、家禽、シーフードの飼料を生産しています。
- ・ノンアルコール飲料とミネラルウォーターの生産。
- ・糸、織布の生産、繊維製品の仕上げ（ただし、染色工程はありません）。
- ・スーツケース、バッグ、同様のタイプ、などの製造、サドルクッションの生産。
- ・印刷および印刷に関連するサービス。
- ・セメントと石膏からコンクリートと製品を生産しています。
- ・電気製品および電子製品、光学機器の製造、加工、組み立て。
- ・機械製品の製造、組み立て、修理、保守。
- ・紙からの製品を生産しています。
- ・予備処理工程（再生しない）を受けたゴムからの製品を生産します。
- ・履物の製造（日焼けなし）。
- ・木材とコルク、竹からの製品を加工（含浸なし）します。

#### **連絡先**

- ・インフラ投資主：QUANG MINH TIEN合資会社
- ・住所：ホーチミン市、PHU NHUAN区、9村、HOANG VAN THU道、A5-A6ビル家No. 198
- 電話番号：(+84) 28. 38214996
- ファックス：(+84) 28. 38447623
- Eメール： quangminhtienjsc@yahoo.com.vn; thanhphuoctcm@yahoo.com.vn

## ● KHU CÔNG NGHIỆP

### ĐỒNG XOÀI III

#### Quy mô

- Tổng diện tích định hướng quy hoạch: 120,33 ha.

- Đất công nghiệp cho thuê: 76,96 ha.

- **Giá thuê đất: Giá tối thiểu 40 USD/m<sup>2</sup> (Chưa bao gồm VAT)**

#### Vị trí

- Khu công nghiệp Đồng Xoài III nằm tại xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. Phía Đông giáp đất y tế, phía Tây và phía Bắc giáp đất dân, phía Nam giáp với khu công nghiệp Đồng Xoài IV.

- Cách thành phố Hồ Chí Minh 105 km và cách thành phố Đồng Xoài khoảng 7 km.

## ● DONG XOAI III 工業団地

### 規模

・ 企画定向の総面積は、120.33 ヘクタールです。

・ 賃貸用の工業土地は、76.96 ヘクタールです。

・ 土地賃貸価格: 最低価格40ドル/ 平方メートル(付加価値税を除く)。

### 位置

・ DONG XOAI III 工業団地は、ビンフック省のDONG XOAI市のTIEN HUNG社にある。東側は医療用地に接し、西側と北側は居住用地に接し、南側はDONG XOAI IV工業団地に接しています。

・ ホーチミン市から105キロメートル離れて、DONG XOAI 市から約07キロメートル離れる。





### Ngành nghề thu hút đầu tư

- Sản xuất nhôm gia dụng và cao cấp.
- Sản xuất hàng công nghệ phẩm, đồ chơi trẻ em: Sản xuất đồ nhựa, chế biến nhựa (sử dụng nguyên liệu sạch).
- Sản xuất hàng tiêu dùng, dụng cụ gia đình và thiết bị văn phòng.
- Mây, tre, đồ gỗ mỹ nghệ.
- Các ngành công nghiệp sành sứ, thủy tinh: Sản xuất đồ kim hoàn, giả kim hoàn (không có công đoạn xi mạ trong quy trình sản xuất).
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.
- Sản xuất dầu thực vật.
- Xây xát và sản xuất bột thô.
- Sản xuất nước đá.
- Sản xuất thú nhồi bông, sản xuất các loại dây bện và lưới (không có công đoạn nhuộm trong quy trình sản xuất).
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác: mica, nguyên liệu cách âm, cách nhiệt.
- Sản xuất các thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển, đồng hồ.
- Sản xuất motor, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.
- Sản xuất giường, tủ, bàn ghế.
- Sản xuất nhạc cụ.
- Sản xuất khác: thiết bị bảo vệ an toàn như quần áo chống cháy, dây bảo hiểm, phao cứu sinh, mũ nhựa cứng.

### 投資誘致の職業

- ・家庭用および高級アルミニウムの生産。
- ・テクノロジー製品、子供用玩具の製造：プラスチック製品の製造およびプラスチック加工（清潔な材料を使用）。
- ・消費製品、家具、オフィス機器の生産。
- ・籐、竹、美術木材品。
- ・磁器業界およびガラス業界：ジュエリーと模造ジュエリーの製造（製造プロセスにはめっき工程はない）
- ・牛乳および牛乳からの製品を加工します。
- ・植物油の生産。
- ・製粉及び生粉の生産。
- ・氷の生産。
- ・ぬいぐるみの生産、編組ロープおよび網の生産（製造プロセスには染色工程はありません）。
- ・マイカ、防音材、断熱材などの他の非金属鉱物からの製品を生産します。
- ・測定機、試験装置、オリエンテーションと制御の設備、時計を製造します。
- ・モーター、発電機、変圧器、配電及び電気制御の設備を製造します。
- ・ベッド、ワードローブ、テーブル、椅子の製造。
- ・楽器の生産。
- ・その他の生産：耐火服、安全ベルト、救命筏、硬質プラスチックラテックスなどの安全保護装置。

- Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc thiết bị và sản phẩm kim loại đúc sẵn.

- Các ngành công nghiệp sạch.

### Địa chỉ liên hệ

- Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng:  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Bình Phước

- Địa chỉ: Lô số 81, Đường số 3A, Khu công nghiệp Đồng Xoài III, xã Tiến Hưng, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

- Điện thoại:

(+84) 28. 35114498 - 0908882637

- Fax: (+84) 28. 35111660.

- Email: sales@bpestate.com.vn;  
kientao@hcm.vnn.vn

- Website: www.bpestate.com.vn

・機械、設備、プレハブ金属製品の修理、保守、設置。

・クリーン産業。

### 連絡先

・インフラ投資主：ビンフック建物の投資及び販売合資会社  
・住所：ビンフック省、DONG XOAI市、TIEN HUNG社、DONG XOAI III 工業団地、道No. 3A、ロットNo. 81

・電話番号：

(+84) 28. 35114498

0908882637

・ファックス：

(+84) 28. 35111660

・Eメール：

sales@bpestate.com.vn;

kientao@hcm.vnn.vn

・ウェブサイト：

www.bpestate.com.vn

## ● KHU CÔNG NGHIỆP BECAMEX BÌNH PHƯỚC

### Quy mô

- Tổng vốn đầu tư cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: 2.932,471 tỷ đồng, trong đó vốn góp thực hiện dự án là 400 tỷ đồng.

- Tổng diện tích định hướng quy hoạch: 2.448 ha.

- Đất tự nhiên khu công nghiệp: 2.448 ha.

- Đất công nghiệp cho thuê: 1.876 ha.

- **Giá thuê đất: (liên hệ trực tiếp)**

**Vị trí địa lý tự nhiên và giao thông**

## ● BECAMEX BINH PHUOC 工業団地

### 規模

・工業団地インフラの総投資資本は、2兆9,324億7,100万ドンで、そのうち、プロジェクトの実施出資資本は、4,000億ドンです。

・企画定向の総面積は、2,448 ヘクタールです。

・工業団地の自然土地の総面積は、2,448 ヘクタールです。

・賃貸用の工業土地は、1,876 ヘクタールです。

・土地賃貸価格:(直接連絡)  
自然な地理的位置と交通

- Khu công nghiệp Becamex - Bình Phước nằm tại xã Minh Thành và xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Phía Nam giáp xã An Long, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, các phía còn lại giáp với các khu dân cư thuộc khu công nghiệp và dân cư Becamex.

- Nằm cạnh Quốc lộ 13, cách thị trấn Chơn Thành khoảng 5 km, cách thành phố Đồng Xoài khoảng 40 km và cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 80 km.

### Ngành nghề thu hút đầu tư

Khu công nghiệp trong khu Becamex - Bình Phước được xác định là một khu công nghiệp tập trung, đa ngành với các loại hình công nghiệp như:

- Công nghiệp điện máy, điện công nghiệp và gia dụng.

・ BECAMEXビンフオック工業団地はビンフオック省のCHON THANH郡のMINH THANH社とTHANH TAM社にあります。南側はBINH DUONG省のBEN CAT郡のAN LONG社に接し、残側は工業団地に属する住宅地とBECAMEXの居住者に接しています。

・ 国路No. 13に隣接し、CHON THANH町から約5キロメートル、DONG XOAI市から約40キロメートル、ホーチミン市から約80キロメートル離れる。

### 投資誘致の職業

BECAMEXビンフオック工業団地は以下の工業形類を持つ多職業集中の工業団地として確定されている。

・ エレクトロニクス工業、工業用電気、家庭用電気。

・ 電子工業、情報学、伝通情報及び通信





- Công nghiệp điện tử, tin học, thông tin truyền thông và viễn thông.
- Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm và nông lâm sản.
- Công nghiệp chế tạo máy, ô tô thiết bị phụ tùng.
- Công nghiệp cơ khí chế tạo và cơ khí chính xác có xi mạ, xử lý nhiệt
- Công nghiệp gốm sứ, thủy tinh, pha lê.
- Công nghiệp sản xuất các loại khí công nghiệp, sơn công nghiệp.
- Công nghiệp sản xuất thép các loại (không tái chế phế liệu).
- Công nghiệp sản xuất dụng cụ y tế, quang học.
- Công nghiệp sản xuất dụng cụ thể dục thể thao, đồ chơi trẻ em....
- Công nghiệp sợi, dệt, có nhuộm và may mặc.
- Công nghiệp da, giả da, giày da.
- Công nghiệp sản xuất dược phẩm, mỹ phẩm hóa chất, nông dược, thuốc thú y..
- Công nghiệp nhựa, xăm lốp, cao su (không chế biến mủ cao su tươi)..
- Công nghiệp sản xuất gỗ, trang trí nội thất, vật liệu xây dựng.
- Công nghiệp bao bì chế biến, in ấn giấy.
- Công nghiệp sản xuất tái chế ắc quy, pin các loại (không nhập tái chế ắc quy).

- ・食べ物、食品、農林産物の加工工業。
- ・機械、自動車、設備、部品の製造工業。
- ・製造機器およびメッキ、熱処理を備えた精密機器の工業。
- ・セラミックス、ガラス、水晶の工業。
- ・あらゆる種類の工業用ガスおよび工業用塗料の製造工業。
- ・あらゆる種類の鋼の生産工業（スクラップをリサイクルしない）。
- ・光学および医療機器の製造工業。
- ・スポーツ用具、子供用玩具の製造工業。
- ・染色がある糸、織物及び衣服の産業。
- ・皮革、フェイクレザー、皮革靴の産業。
- ・医薬品、化学化粧品、農薬、獣医薬の製造工業。
- ・プラスチック、タイヤ、ゴムの産業（新鮮なゴムラテックスを加工しない）。
- ・木材、室内装飾、建築材料の製造工業。
- ・包装産業、紙の製造及び印刷
- ・あらゆる種類のバッテリー、電池の再生製造工業。（バッテリーを再生輸入しません）。

- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải, sản xuất công nghiệp.

- Các loại hình dịch vụ hỗ trợ cho chuyên gia và người lao động trong Khu công nghiệp.

#### **Địa chỉ liên hệ**

- Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng: Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước

- Địa chỉ: Km 995, Quốc lộ 14, xã Minh Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Điện thoại: (+84) 271. 3640079

- Fax: (+84) 271. 3640080

#### **• KHU CÔNG NGHIỆP**

##### **MINH HƯNG - SIKICO**

###### **Quy mô**

- Tổng diện tích định hướng quy hoạch: 655 ha.

- **Giá thuê đất: 50 - 54 USD/m<sup>2</sup>**

###### **Vị trí địa lý tự nhiên và giao thông**

Khu công nghiệp Minh Hưng - Sikico nằm trên địa bàn xã Đồng Nơ, huyện Hớn Quản, giáp ranh với xã Minh Hưng, huyện Chơn Thành; cách thành phố Hồ Chí Minh khoảng 95 km.

###### **Ngành nghề thu hút đầu tư**

Tất cả các ngành nghề trừ ngành công nghiệp nặng.

• 倉庫、運送及び工業生産の為の支援活動。

• 工業団地での専門家や労働者向けのあらゆる種類の支援サービス

###### **連絡先**

• インフラ投資主：BECAMEX ビンフオック技術インフラ開発合資会社

• 住所：ビンフオック省、CHON THANH郡、MINH THANH社、国路No. 14、Km 995

• 電話番号：  
(+84) 271. 3640079

• ファックス：  
(+84) 271. 3640080

#### **• MINH HUNG・SIKICO工業団地規模**

• 企画定向の総面積は、655ヘクタールです。

• 土地賃賃価格: 50ドル ~ 54ドル/ 平方メートル

###### **自然な地理的位置と交通**

MINH HUNG・SIKICO工業団地は、HON QUAN郡のDONG NO社にあり、CHON THANH郡のMINH HUNG社に隣接し、ホーチミン市から約95キロメートル離れる。

###### **投資誘致の職業**

重工業を除くすべての職業。

### Địa chỉ liên hệ

- Chủ đầu tư cơ sở hạ tầng:  
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp  
Minh Hưng - Sikico
- Địa chỉ: Xã Đồng Nờ, huyện  
Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.
- Điện thoại:  
(+84) 28. 38999495  
(+84) 28. 38053527
- Fax: (+84) 28. 38035527
- Email: [contact@anzone.com.vn](mailto:contact@anzone.com.vn)

### 連絡先

- ・インフラ投資主：  
MINH HUNG・SIKICO工業団地合  
資会社
- ・住所：ビンフック  
省、HON QUAN郡、DONG NO社
- ・電話番号：  
(+84) 28. 38999495  
(+84) 28. 38053527
- ・ファックス：  
(+84) 28. 38035527
- ・Eメール：  
[contact@anzone.com.vn](mailto:contact@anzone.com.vn)





## CỤM CÔNG NGHIỆP

### • Quan điểm phát triển

Quy hoạch phát triển các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy hoạch chung của cả nước, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch công nghiệp hỗ trợ, quy hoạch phát triển công nghiệp của địa phương và phù hợp với tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại chỉ thị số 07/CT-TTg về việc chấn chỉnh công tác quản lý và nâng cao hiệu quả hoạt động đối với các cụm công nghiệp.

### • Định hướng phát triển

Căn cứ quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, tình hình phát triển kinh tế xã hội của các địa phương định hướng thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp bao gồm các ngành nghề chính sau:

- Ngành chế biến nông - lâm sản.
- Ngành cơ khí chế tạo.
- Ngành điện - điện tử.
- Ngành dệt, may mặc - giày da.
- Ngành sản xuất vật liệu xây dựng.

## 工業クラスター

### • 開発の視点

省の地域での各工業クラスターの開発企画は、全国の一般的な企画、社会経済開発企画、土地使用企画、支援工業企画、地方工業開発企画に適合し、各工業クラスターに対しての管理業務を再編成し、運用効率を向上するに関する指令No. 07/CT-TTgでの政府首相の指導精神に適合する。

### • 開発オリエンテーション

社会経済開発計画及び各地方の社会経済開発状況に基づいて、工業クラスターへの投資を誘致するためのオリエンテーションには、次の主要職業が含まれます。

- 農林業の加工産業。
- 製造機器産業。
- 電気及び電子の産業。
- 繊維産業、衣服産業、皮革靴産業
- 建設材料製造産業。

● **Định hướng quy hoạch các cụm công nghiệp đến năm 2030**

| STT        | Tên cụm công nghiệp (CCN)                 | Địa điểm                       | Tổng diện tích (ha) |
|------------|---|--------------------------------|---------------------|
| <b>I</b>   | <b>Huyện Đồng Phú</b>                     |                                | <b>110</b>          |
| 1          | CCN Hà My                                 | Xã Tân Lập                     | 10                  |
| 2          | CCN Thuận Phú                             | Xã Thuận Phú                   | 50                  |
| 3          | CCN Tân Phước                             | Xã Tân Phước                   | 50                  |
| <b>II</b>  | <b>Huyện Bù Đăng</b>                      |                                | <b>247</b>          |
| 4          | CCN Minh Hưng I<br>(nhà máy sinh học cồn) | Xã Minh Hưng                   | 45                  |
| 5          | CCN Minh Hưng II                          | Xã Minh Hưng                   | 42                  |
| 6          | CCN Nghĩa Trung -<br>Nghĩa Bình           | Xã Nghĩa Trung,<br>Nghĩa Bình  | 40                  |
| 7          | CCN Đức Liễu                              | Xã Đức Liễu                    | 50                  |
| 8          | CCN Thọ Sơn                               | Xã Thọ Sơn                     | 30                  |
| 9          | CCN Đức Phong                             | Thị trấn Đức Phong             | 40                  |
| <b>III</b> | <b>Thị xã Phước Long</b>                  |                                | <b>60</b>           |
| 10         | CCN Phước Bình 2                          | Thôn Phước Vĩnh,<br>Phước Bình | 30                  |
| 11         | CCN Long Giang                            | Xã Long Giang                  | 30                  |
| <b>IV</b>  | <b>Huyện Phú Riềng</b>                    |                                | <b>82</b>           |
| 12         | CCN Mỹ Lệ                                 | Xã Long Hưng                   | 22                  |
| 13         | CCN Phước Tân I                           | Xã Phước Tân                   | 30                  |
| 14         | CCN Phước Tân II                          | Xã Phước Tân                   | 30                  |

| STT         | Tên cụm công nghiệp (CCN) | Địa điểm          | Tổng diện tích (ha) |
|-------------|---------------------------|-------------------|---------------------|
| <b>V</b>    | <b>Huyện Bù Gia Mập</b>   |                   | <b>111</b>          |
| 15          | CCN Phú Nghĩa 1           | Xã Phú Nghĩa      | 32                  |
| 16          | CCN Phú Nghĩa 2           | Xã Phú Nghĩa      | 30                  |
| 17          | CCN Phú Nghĩa 3           | Xã Phú Nghĩa      | 17                  |
| 18          | CCN Đa Kía I              | Xã Đa Kía         | 32                  |
| <b>VI</b>   | <b>Huyện Lộc Ninh</b>     |                   | <b>114</b>          |
| 19          | CCN Lộc Thịnh             | Xã Lộc Thịnh      | 54                  |
| 20          | CCN Lộc Tấn               | Xã Lộc Tấn        | 20                  |
| 21          | CCN Lộc Thành             | Xã Lộc Thành      | 40                  |
| <b>VII</b>  | <b>Huyện Hớn Quản</b>     |                   | <b>60</b>           |
| 22          | CCN Thanh Bình            | Xã Thanh Bình     | 20                  |
| 23          | CCN Thanh An              | Xã Thanh An       | 20                  |
| 24          | CCN Tân Lợi               | Xã Tân Lợi        | 20                  |
| <b>VIII</b> | <b>Huyện Chơn Thành</b>   |                   | <b>10</b>           |
| 25          | CCN Song Phương           | Xã Tân Quan       | 10                  |
| <b>IX</b>   | <b>Thị xã Bình Long</b>   |                   | <b>205</b>          |
| 26          | CCN Thanh Phú             | Xã Thanh Phú      | 50                  |
| 27          | CCN Hưng Chiến            | Phường Hưng Chiến | 50                  |
| 28          | CCN Thanh Lương II        | Xã Thanh Lương II | 75                  |
| 29          | CCN Thanh Lương I         | Xã Thanh Lương I  | 30                  |



- 2030年までに各工業クラスターの企画オリエンテーション

| 順          | 工業クラスター名                           | 場所                         | 総面積<br>(ヘクタール) |
|------------|------------------------------------|----------------------------|----------------|
| <b>I</b>   | <b>DONG PHU郡</b>                   |                            | <b>110</b>     |
| 1          | HA MY工業クラスター                       | TAN LAP社                   | 10             |
| 2          | THUAN PHU工業クラスター                   | THUAN PHU社                 | 50             |
| 3          | TAN PHUOC工業クラスター                   | TAN PHUOC社                 | 50             |
| <b>II</b>  | <b>BU DANG郡</b>                    |                            | <b>247</b>     |
| 4          | MINH HUNG I工業クラスター<br>(バイオエタノール工場) | MINH HUNG社                 | 45             |
| 5          | MINH HUNG II工業クラスター                | MINH HUNG社                 | 42             |
| 6          | NGHIA TRUNG・NGHIA BINH<br>工業クラスター  | NGHIA TRUNG・NGHIA<br>BINH社 | 40             |
| 7          | DUC LIEU工業クラスター                    | DUC LIEU社                  | 50             |
| 8          | THO SON工業クラスター                     | THO SON社                   | 30             |
| 9          | DUC PHONG工業クラスター                   | DUC PHONG町                 | 40             |
| <b>III</b> | <b>PHUOC LONG町</b>                 |                            | <b>60</b>      |
| 10         | PHUOC BINH 2工業クラスター                | PHUOC VINH-PHUOC<br>BINH村  | 30             |
| 11         | LONG GIANG工業クラスター                  | LONG GIANG社                | 30             |
| <b>IV</b>  | <b>PHU RIENG郡</b>                  |                            | <b>82</b>      |
| 12         | MY LE工業クラスター                       | LONG HUNG社                 | 22             |
| 13         | PHUOC TAN I 工業クラスター                | PHUOC TAN社                 | 30             |
| 14         | PHUOC TAN II 工業クラスター               | PHUOC TAN社                 | 30             |

| 順           | 工業クラスター名              | 場所               | 総面積<br>(ヘクタール) |
|-------------|-----------------------|------------------|----------------|
| <b>V</b>    | <b>BU GIA MAP郡</b>    |                  | <b>111</b>     |
| 15          | PHU NGHIA 1工業クラスター    | PHU NGHIA社       | 32             |
| 16          | PHU NGHIA 2工業クラスター    | PHU NGHIA社       | 30             |
| 17          | PHU NGHIA 3工業クラスター    | PHU NGHIA社       | 17             |
| 18          | DA KIA I工業クラスター       | DA KIA社          | 32             |
| <b>VI</b>   | <b>LOC NINH郡</b>      |                  | <b>114</b>     |
| 19          | LOC THINH工業クラスター      | LOC THINH社       | 54             |
| 20          | LOC TAN工業クラスター        | LOC TAN社         | 20             |
| 21          | LOC THANH工業クラスター      | LOC THANH社       | 40             |
| <b>VII</b>  | <b>HON QUAN郡</b>      |                  | <b>60</b>      |
| 22          | THANH BINH工業クラスター     | THANH BINH社      | 20             |
| 23          | THANH AN工業クラスター       | THANH AN社        | 20             |
| 24          | TAN LOI工業クラスター        | TAN LOI社         | 20             |
| <b>VIII</b> | <b>CHON THANH郡</b>    |                  | <b>10</b>      |
| 25          | SONG PHUONG工業クラスター    | TAN QUAN社        | 10             |
| <b>IX</b>   | <b>BINH LONG町</b>     |                  | <b>205</b>     |
| 26          | THANH PHU工業クラスター      | THANH PHU社       | 50             |
| 27          | HUNG CHIEN工業クラスター     | HUNG CHIEN村      | 50             |
| 28          | THANH LUONG II工業クラスター | THANH LUONG II 社 | 75             |
| 29          | THANH LUONG I工業クラスター  | THANH LUONG I 社  | 30             |

## KHU KINH TẾ CỬA KHẨU HOA LƯ

### Tính chất

- Là khu kinh tế cửa khẩu nhằm phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa, quan hệ chính trị, ngoại giao giữa nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Vương quốc Campuchia.

- Là trung tâm thương mại, công nghiệp, du lịch, dịch vụ của tỉnh Bình Phước.

- Là đầu mối giao thông đường sắt, đường bộ quan trọng trong vùng.

- Có vị trí quan trọng về quốc phòng, an ninh.

**Phạm vi:** Bao gồm các xã Lộc Thịnh, Lộc Tấn, Lộc Hòa, Lộc Thạnh và thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh; có tổng diện tích tự nhiên 28.364 ha.

### Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2025

- Đất khu quản lý, thương mại - dịch vụ cửa khẩu khoảng 466 ha.

- Đất khu phi thuế quan khoảng 2.965 ha.

- Đất xây dựng khu đô thị cửa khẩu (khu thuế quan) khoảng 5.666 ha, trong đó bao gồm: đất dân dụng khoảng 1.597 ha; đất không thuộc khu dân dụng khoảng 4.069 ha.

- Đất ở và sản xuất nông nghiệp khoảng 4.697 ha.

- Đất dân cư nông thôn tập trung khoảng 428 ha.

- Đất rừng khoảng 12.611 ha.

## HOA LU国境ゲート経済圏

### 性質

・ベトナム社会主義共和国とカンボジア王国の間の経済、文化、政治、外交関係を発展させるための国境ゲート経済圏であること。

・ビンフック省の商業、工業、観光、サービスの中心地であること。

・地域の重要な鉄道および道路交通の中心地であること。

・国防とセキュリティにおいて重要な地位にある。

**範囲:** LOC THINH社、LOC TAN社、LOC HOA社、LOC THANH社及び LOC NINH町、LOC NINH郡を含む。

総自然面積は28,364ヘクタールです。

### 2025年までの土地使用企画

・国境ゲートでの管理、商売、サービス用の土地は約466ヘクタールです。

・非関税地域の土地は約2,965ヘクタールです。

・国境ゲート都市地域（関税地域）の建設用地は、約5,666ヘクタールです。

そのうち、居住土地は約1,597ヘクタールで、非居住地域は約4,069ヘクタールを含まれる。

・住宅地と農業生産土地は、約4,697ヘクタールです。

・農村の集中住宅地は、約428ヘクタールです。



- Mặt nước (sông, suối, ao, hồ) khoảng 531 ha.
- Giao thông (ngoài đô thị) khoảng 1.000 ha.

### Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật:
  - + Nâng cấp, mở rộng tuyến Quốc lộ 13, đoạn đi qua Khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư.
  - + Xây dựng các nhà máy nước; các trạm điện 220, 110 KV và các tuyến đường 220, 110 KV theo tiến độ phát triển các khu chức năng đô thị.

- ・森林土地の面積は、約12,611ヘクタールです。
- ・水面（川、小川、池、湖）は、約531ヘクタールです。
- ・交通（都市部外）は、約1,000ヘクタールです。

### 投資優先のプログラムとプロジェクト

- ・技術インフラストラクチャへの投資プロジェクト：
  - + 国道13号線（HOA LU国境ゲート経済圏を通る道路）をアップグレードし、拡張する。



+ Các dự án đầu tư xây dựng các khu xử lý nước thải và rác thải.

+ Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu thương mại - công nghiệp.

- Các dự án đầu tư phát triển khu phi thuế quan và các khu dân cư:

+ Các dự án đầu tư xây dựng khu dân cư đô thị và tái định cư.

+ Các dự án đầu tư khu quản lý, thương mại dịch vụ cửa khẩu.

+ 都市機能エリアの開発進度に従って、給水工場、220 KV及び110 KV発電所、220 KV及び110 KV発電所への道路を建設する。

+ 廃棄物及び排水の処理ゾーンの建設に関する投資プロジェクト

+ 商売及び工業団地の技術インフラの建設に関する投資プロジェクト。

・非関税地域及び住宅地の開発に関する投資プロジェクト：

+ 都市住宅地と再定住の建設に関する投資プロジェクト

+ 国境ゲートでの管理、商売及びサービスのエリアへの投資に関するプロジェクト。

CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

A KHẨU QUỐC TẾ HỒA LŨ



# QUY TRÌNH, THỦ TỤC ĐẦU TƯ

## 投資の手続きと手順

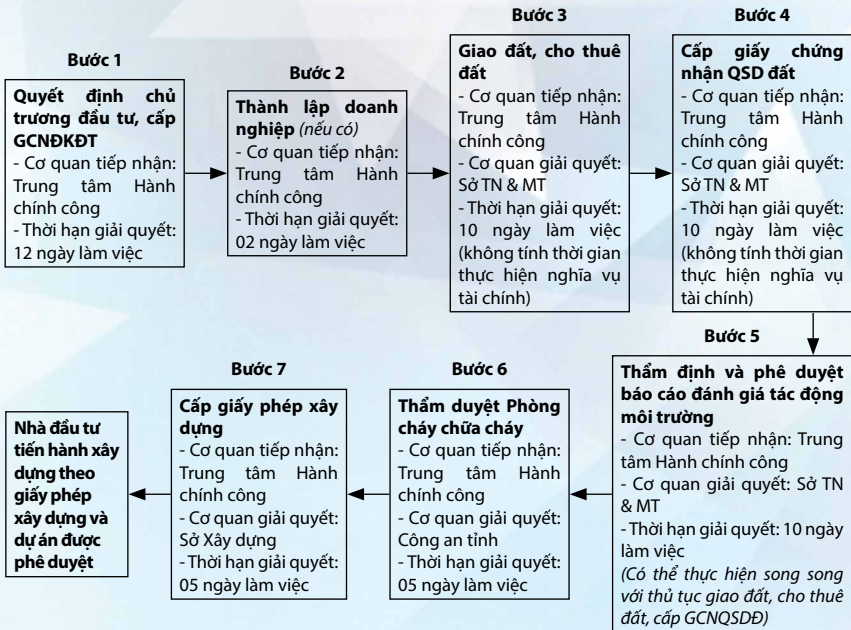
**Quy trình 1: Quy trình đầu tư đối với dự án thuộc trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

(Những dự án thuộc trường hợp theo quy định tại Khoản 1, Điều 32 Luật Đầu tư)

**Thời gian giải quyết như sau:**

1. Theo quy định của trung ương: 187 ngày.
2. Thời gian cam kết cải tiến TTHC thực hiện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư được giảm xuống còn: 50 ngày.

Quy trình cụ thể gồm 07 bước như sau:



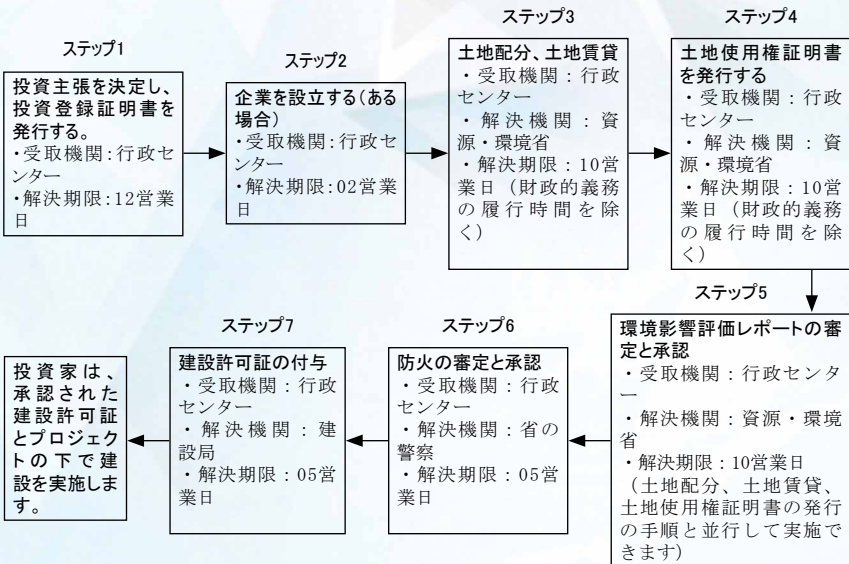
## 手順1: 経済圏、工業団地、工業クラスターの以外の投資主張決定の場合に該当するプロジェクトに対しての投資手順

(投資法第32条第1項に規定する場合のプロジェクト)

解決時間は次のとおりです。

1. 中央の規制によると：187日間。
2. 計画投資省での行政手続きを改善するための約束の期限は、50日間に短縮されます。

手順は、具体的に次の07のステップで構成されます。





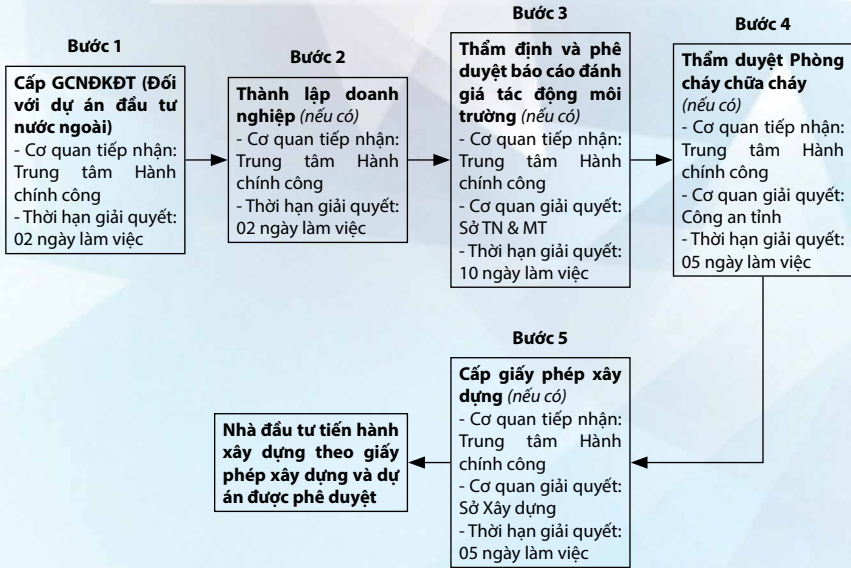
**Quy trình 2: Quy trình đầu tư đối với dự án không thuộc trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư ngoài khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp**

(Những dự án không thuộc trường hợp Quyết định chủ trương đầu tư theo quy trình 1)

**Thời gian giải quyết như sau:**

1. Theo quy định của trung ương còn: 108 ngày.
2. Thời gian cam kết cải tiến TTTC thực hiện tại Sở Kế hoạch và Đầu tư được giảm xuống còn: 20 ngày.

Quy trình cụ thể gồm 05 bước như sau:



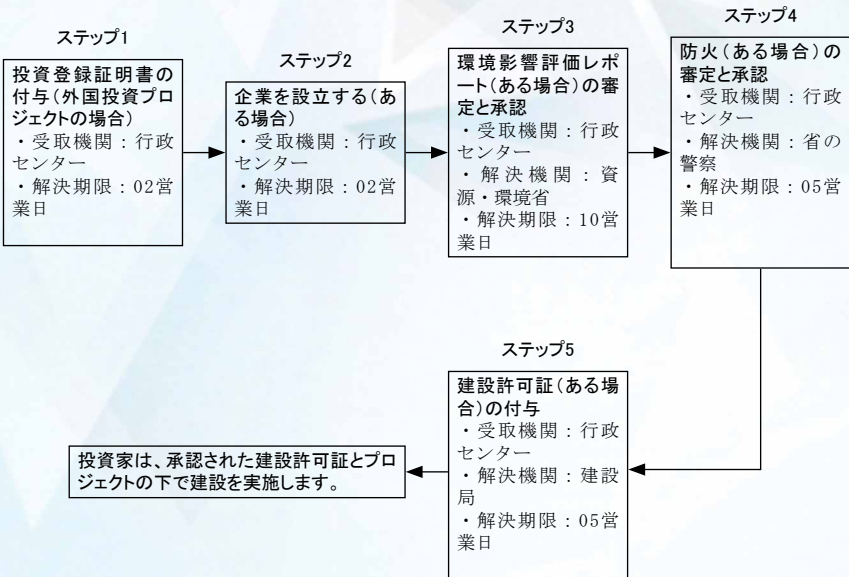
## 手順2: 経済圏、工業団地、工業クラスターの以外の投資主張決定の場合に該当しないプロジェクトに対しての投資手順

(手順1による投資主張の決定に該当しないプロジェクト)

解決時間は次のとおりです。

1. 中央の規制によると：108日間。
2. 計画投資省での行政手続きを改善するための約束の期限は、20日間に短縮されます。

手順は、具体的に次の05のステップで構成されます。



### Quy trình 3. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư vào khu kinh tế cửa khẩu Hoa Lư

Khi Nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tại bộ phận tiếp nhận của Trung tâm Hành chính công.

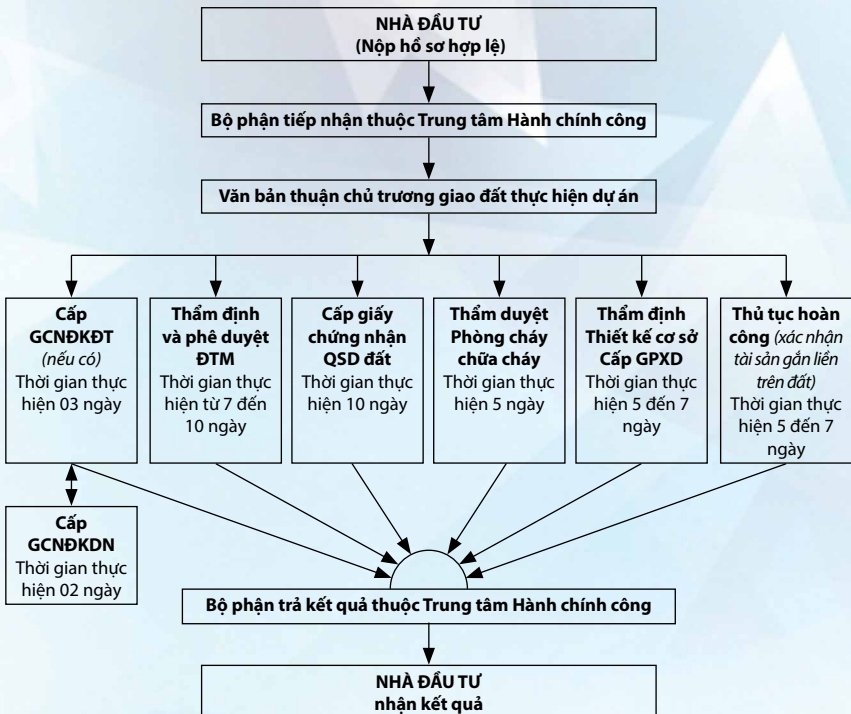
#### Thời gian giải quyết như sau:

1. Theo quy định thì quy trình, trình tự thời gian giải quyết tất cả các TTHC cho 01 dự án là 135 ngày; còn quy định thời gian giải quyết cho từng thủ tục cao nhất là 50 ngày và thấp nhất là 15 ngày.

2. Thời gian thực hiện tại Ban Quản lý Khu kinh tế cho từng thủ tục, cao nhất là 10 ngày và thấp nhất là 03 ngày.

\* Tất cả các bước trong quy trình đều được thực hiện song song, thời gian tối đa là 10 ngày (kể từ ngày có văn bản thuận chủ trương giao đất, cho thuê đất).

Cụ thể như sau:



### 手順3. HOA LU国境ゲート経済圏への投資手続きを解決する手順

投資家が行政センターの受取部門で有効な書類を提出する時、  
解決時間は次のとおりです。

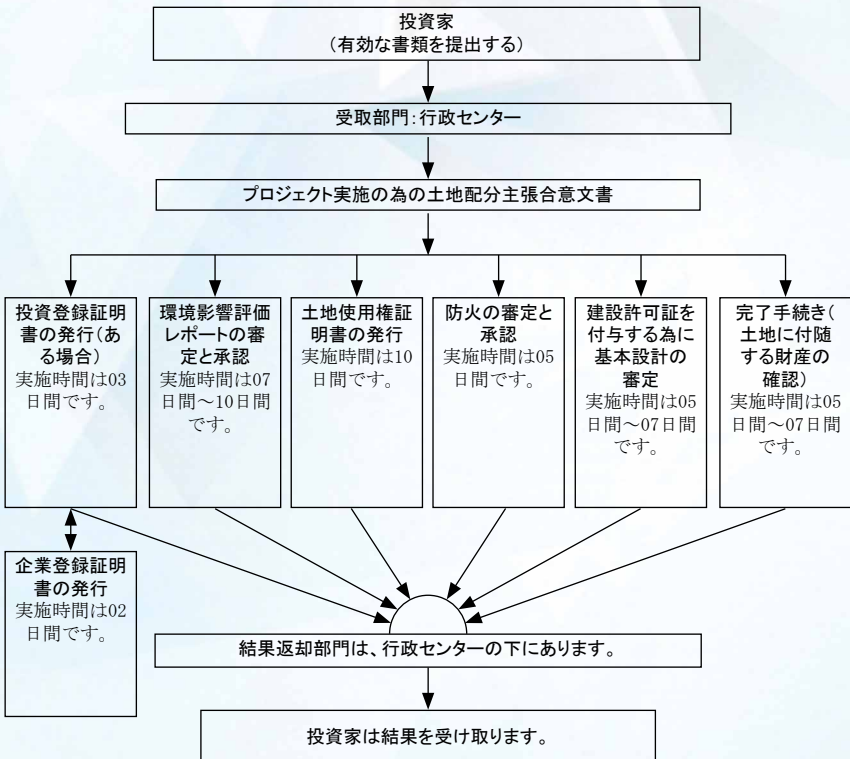
1. 規制によると、プロジェクトに対してのすべての行政手続きを解決する時間の手順と順序は135日です。

各手続きに対しての解決時間に関する規定は最大50日間で、最低15日間です。

2. 経済圏管理委員会で各手続きの実施時間は、最大10日間で、最低03日間です。

\*手順での全ステップは並行的に実施され、実施時間は最大10日間（土地配分、土地賃貸の主張合意文書を持つ日付から）です。

具体的には次のとおりです。





**Quy trình 4. Quy trình giải quyết thủ tục đầu tư vào các khu công nghiệp**

Khi Nhà đầu tư nộp hồ sơ hợp lệ tại bộ phận tiếp nhận của Trung tâm Hành chính công.

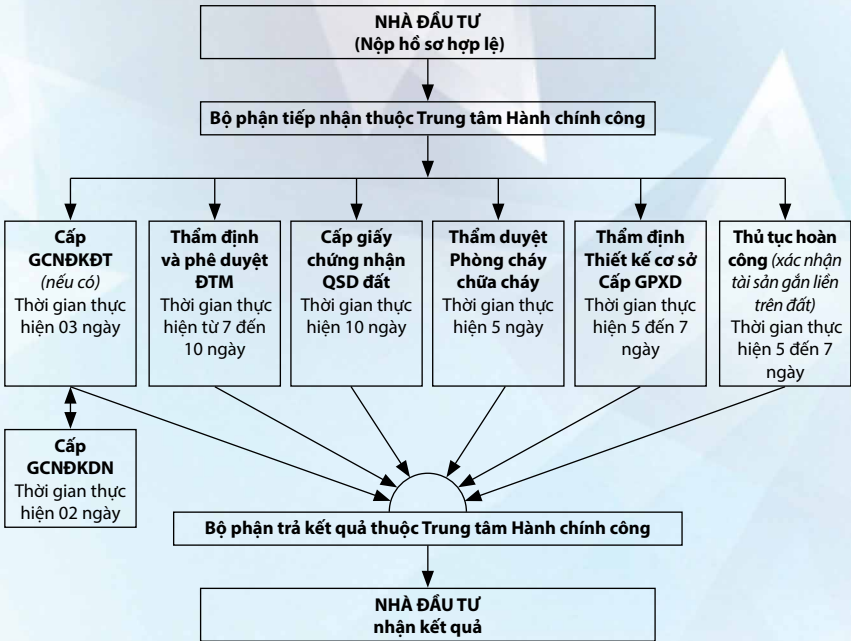
**Thời gian giải quyết như sau:**

1. Theo quy định của thì quy trình, trình tự thời gian giải quyết tất cả các TTHC cho 01 dự án là 135 ngày; còn quy định thời gian giải quyết cho từng thủ tục cao nhất là 50 ngày và thấp nhất là 15 ngày.

2. Thời gian thực hiện tại Ban Quản lý Khu kinh tế cho từng thủ tục, cao nhất là 10 ngày và thấp nhất là 03 ngày.

\* Tất cả các bước trong quy trình đều được thực hiện song song, thời gian tối đa là 10 ngày.

Cụ thể như sau:



#### 手順4. 各工業団地への投資手続きを解決する手順

投資家が行政センターの受取部門で有効な書類を提出する時、  
解決時間は次のとおりです。

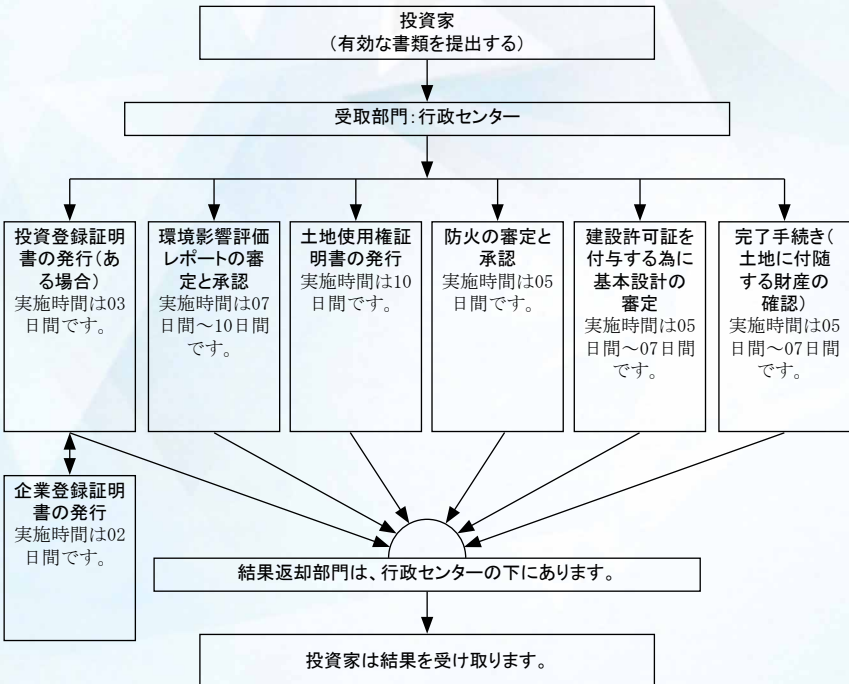
1. 規制によると、プロジェクトに対してのすべての行政手続きを解決する時間の手順と順序は135日です。

各手続きに対しての解決時間に関する規定は、最大50日間で、最低15日間です。

2. 経済圏管理委員会で各手続きの実施時間は、最大10日間で、最低03日間です。

\*手順での全ステップは並行的に実施され、実施時間は最大10日間です。

具体的には次のとおりです。



## ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ ĐẦU TƯ

### 投資連絡先

#### Ủy ban nhân dân tỉnh

Đường 6 Tháng 1, phường Tân Phú,  
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước

Tel: (+84) 271. 3879481

Fax: (+84) 271. 3879481

Website: [www.binhphuoc.gov.vn](http://www.binhphuoc.gov.vn)

#### Trung tâm Xúc tiến Đầu tư, Thương mại và Du lịch

Quốc lộ 14, khu phố Phú Cường,  
phường Tân Phú, thành phố Đồng Xoài,  
tỉnh Bình Phước

Tel: (+84) 271. 3818662

Fax: (+84) 271. 3818662

Website: [www.binhphuocittpc.gov.vn](http://www.binhphuocittpc.gov.vn)

#### Sở Kế hoạch và Đầu tư

626 Quốc lộ 14, phường Tân Phú,  
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tel: (+84) 271. 3879253

Fax: (+84) 271. 3887088

Website: [www.skhdtdinhphuoc.gov.vn](http://www.skhdtdinhphuoc.gov.vn)

#### Ban Quản lý Khu kinh tế

680 Quốc lộ 14, phường Tân Phú,  
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tel: (+84) 271. 3887523

Fax: (+84) 271. 3887523

Website: [www.eza-binhphuoc.gov.vn](http://www.eza-binhphuoc.gov.vn)

#### Sở Công Thương

Đường Hùng Vương, phường Tân Bình,  
thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Tel: (+84) 271. 3881184

Fax: (+84) 271. 3879199

Website: [www.socongthuongbp.gov.vn](http://www.socongthuongbp.gov.vn)

#### ビンフオック省の人民委員会

ビンフオック省、DONG XOAI 市、  
TAN PHU村、1月6日道、

電話番号：(+84) 271. 3879481

ファックス：(+84) 271. 3879481

ウェブサイト： [www.binhphuoc.gov.vn](http://www.binhphuoc.gov.vn)

#### 投資、商売および観光の促進センター

ビンフオック省、DONG XOAI 市、  
TAN PHU村、PHU CUONG近所、国路

No. 14

電話番号：(+84) 271. 3818662

ファックス：(+84) 271. 3818662

ウェブサイト：

[www.binhphuocittpc.gov.vn](http://www.binhphuocittpc.gov.vn)

#### 計画投資省

ビンフオック省、DONG XOAI 市、  
TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 626

電話番号：(+84) 271. 3879253

ファックス：(+84) 271. 3887088

ウェブサイト：

[www.skhdtdinhphuoc.gov.vn](http://www.skhdtdinhphuoc.gov.vn)

#### 経済圏管理委員会

ビンフオック省、DONG XOAI 市、  
TAN PHU村、国路No. 14、ビルNo. 680

電話番号：(+84) 271. 3887523

ファックス：(+84) 271. 3887523

ウェブサイト：

[www.eza-binhphuoc.gov.vn](http://www.eza-binhphuoc.gov.vn)

#### 工商省

ビンフオック省、DONG XOAI 市、  
TAN BINH村、HUNG VUONG道、

電話番号：(+84) 271. 3881184

ファックス：(+84) 271. 3879199

ウェブサイト：

[www.socongthuongbp.gov.vn](http://www.socongthuongbp.gov.vn)

